

# ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

## ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH NINH BÌNH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



**MỘT  
SỐ NỘI  
DUNG  
ĐIỀU  
CHỈNH  
CHÍNH**

Phần I: Hiện trạng; yếu tố đặc thù

Phần II: Kịch bản, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm

Phần III: Tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội

Phần IV: Phương hướng phát triển các ngành lĩnh vực chủ yếu

Phần V: Phương hướng phát triển hạ tầng



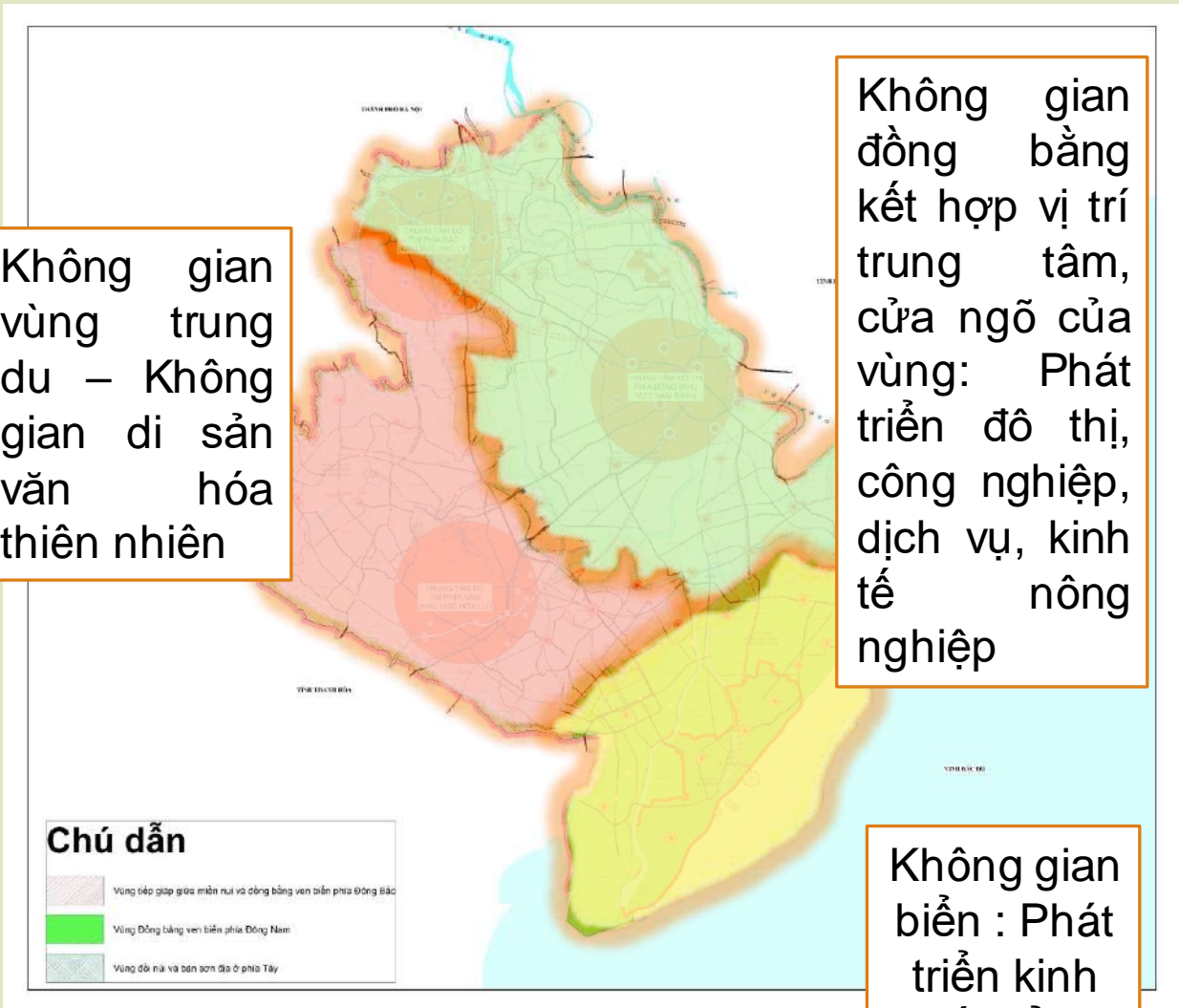
# TỈNH NINH BÌNH CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI HÌNH KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN – NHƯ VIỆT NAM THU NHỎ

Sau khi sắp xếp, tỉnh Ninh Bình có diện tích tự nhiên là 3.942,62 km<sup>2</sup> (đứng thứ 3/6 tỉnh vùng ĐBSH); quy mô dân số là 4.412.264 người (đứng thứ 3/6 tỉnh vùng ĐBSH)

Không gian vùng trung du – Không gian di sản văn hóa thiên nhiên

Không gian đồng bằng kết hợp vị trí trung tâm, cửa ngõ của vùng: Phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, kinh tế nông nghiệp

Không gian biển : Phát triển kinh tế biển



# ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

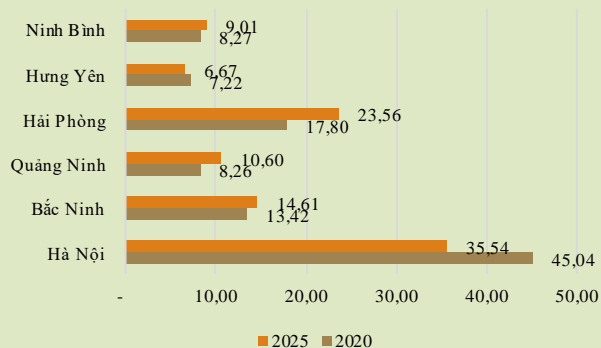
## Vị trí kinh tế của tỉnh Ninh Bình trong vùng Đồng bằng Sông Hồng

Tỷ trọng kinh tế của tỉnh đứng thứ 5/6 toàn vùng ...

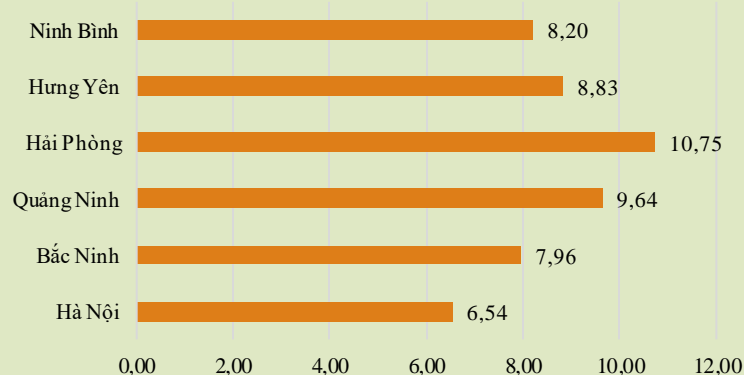
Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức trung bình toàn vùng...

Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người thấp hơn so với mức bình quân của vùng

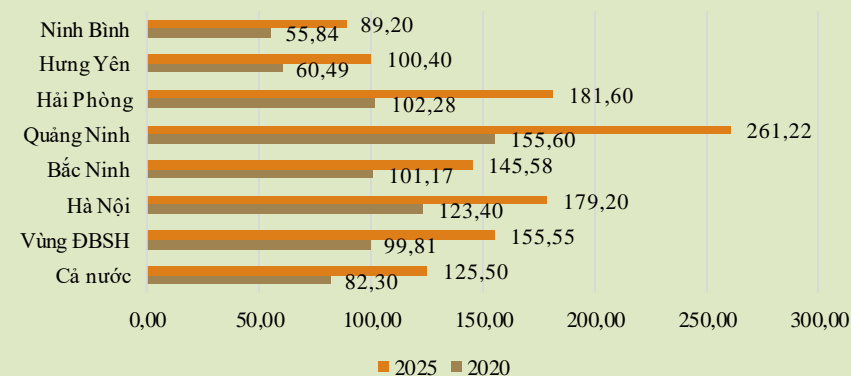
Tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng GRDP của các tỉnh trong vùng ĐBSH



Tăng trưởng bình quân GRDP 2021-2025 (%)

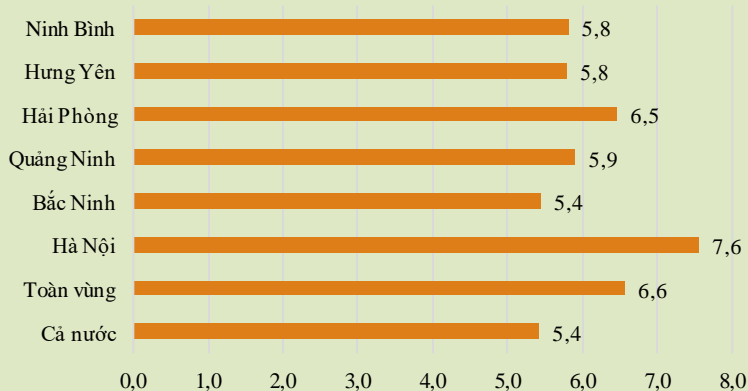


GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)

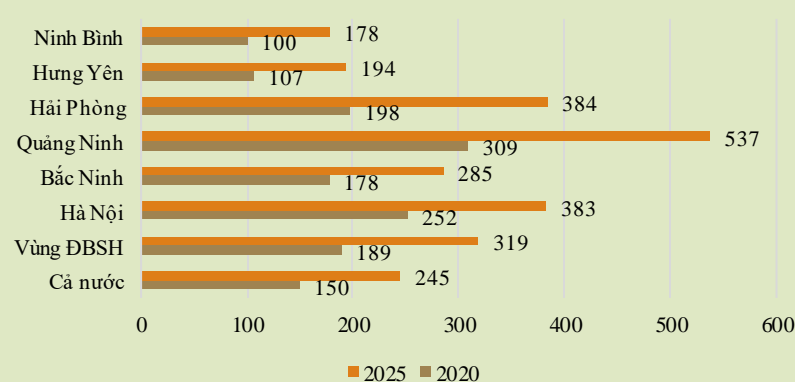


Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng cao hơn so với mức bình quân cả nước; năng suất lao động còn thấp so với vùng và cả nước; kinh tế số còn khiêm tốn và giữ vị trí thấp...

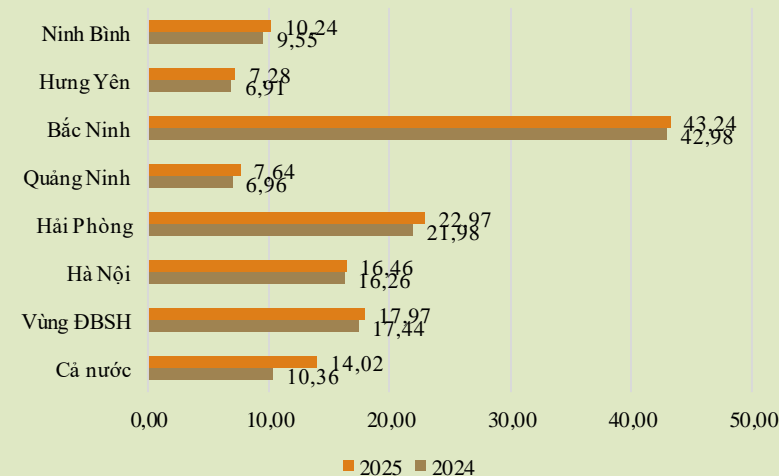
Thu nhập bình quân tháng/người, triệu đồng



Năng suất lao động (triệu đồng, GRDP/lao động theo giá hiện hành)



Tỷ trọng kinh tế số trong cơ cấu GRDP



# CÁC KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG

## Kịch bản 1 - Kịch bản tăng trưởng thấp

Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026-2030 đạt 10,0%/năm, cao hơn giai đoạn 2021-2025 (8,73%),

song phần lớn mức tăng vẫn đến từ mở rộng quy mô đầu tư và sản xuất hiện có, chưa dựa nhiều trên đổi mới công nghệ, năng suất hay giá trị gia tăng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, với công nghiệp - xây dựng chiếm 53,78% GRDP, dịch vụ 32,26% và nông, lâm, thủy sản 7,51% vào năm 2030.

## Kịch bản 2 - Tăng trưởng cơ sở (PA CHỌN)

Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 11,0%/năm, cao hơn đáng kể so với hai giai đoạn trước (8,1% và 8,73%). Công nghiệp - xây dựng tăng 13,41%, dịch vụ tăng 9,66%, nông nghiệp tăng 3,75%. Cơ cấu kinh tế công nghiệp chiếm 55,2%, dịch vụ tăng lên 30,8%, nông nghiệp giảm còn 7,2%. Đây là sự chuyển dịch phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp sạch - dịch vụ xanh - du lịch sinh thái - công nghệ cao mà tỉnh đặt ra

## Kịch bản 3 - Tăng trưởng cao

Tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 12,0%/năm, cao hơn 1,4 lần giai đoạn 2021-2025 và 1,5 lần giai đoạn 2011-2020. Công nghiệp - xây dựng tăng 14,71%, dịch vụ tăng 10,76%, nông nghiệp tăng 3,31%. Cơ cấu kinh tế hiện đại hơn, với công nghiệp - xây dựng chiếm 54,87%, dịch vụ 31,41%, nông nghiệp 7,03%. Trong đó, công nghiệp chuyển hướng mạnh sang chế tạo kỹ thuật cao, năng lượng tái tạo, vật liệu mới, trong khi dịch vụ du lịch di sản - sinh thái - thông minh và logistics quốc tế trở thành động lực chủ lực của tăng trưởng.

# Kịch bản tăng trưởng kinh tế Ninh Bình 2026-2030

			Kịch bản 1	Kịch bản 2	Kịch bản 3
	Đơn vị	2021-2025	2026-2030	2026-2030	2026-2030
<b>1. Tăng trưởng kinh tế</b>					
<b>Chung</b>	%	<b>8.20</b>	<b>10.00</b>	<b>11.00</b>	<b>12.00</b>
NLTS	%	2.82	3.50	3.75	4.00
CN-XD	%	9.81	12.21	13.41	14.71
Dịch vụ	%	8.92	9.04	9.66	10.39
Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4.74	7.70	8.70	9.70
<b>2. Cơ cấu kinh tế</b>					
<b>Chung</b>	%	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
NLTS	%	11.04	8.14	7.20	7.05
CN-XD	%	47.05	51.97	55.20	55.48
Dịch vụ	%	34.39	32.64	30.79	30.71
Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	7.52	7.26	6.80	6.77
<b>3. Năng suất lao động</b>					
Năng suất lao động (GRDP/lao động) năm cuối giai đoạn, giá hiện hành	Triệu đồng /người/năm	178	344	364	385
Năng suất lao động (GRDP/lao động), năm cuối giai đoạn theo giá so sánh 2010	triệu đồng /người/năm	98	152	160	167
Tốc độ tăng năng suất lao động trung bình giai đoạn - giá so sánh 2010	%	7.40	9.27	10.33	11.32
<b>4. Thu nhập bình quân đầu người</b>					
Thu nhập bình quân đầu người (GRDP/dân số) ở năm cuối giai đoạn giá hiện hành theo VNĐ	Triệu đồng /người/năm	89.2	171	180	190
Thu nhập bình quân đầu người ở năm cuối giai đoạn giá hiện hành theo USD	USD	3556	6481	6842	7218

# QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CHỦ ĐẠO

## 1. Phát huy tối đa hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về:

- ❑ Vị trí địa chiến lược để xây dựng Ninh Bình trở thành Trung tâm kinh tế, văn hóa, đối ngoại quan trọng của vùng ĐBSH
- ❑ Về điều kiện tự nhiên đặc thù để phát triển:
  - ✓ Công nghiệp xanh, công nghệ cao, thân thiện môi trường
  - ✓ Dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch chất lượng cao gắn với phát triển triển công nghiệp văn hóa; logistics
  - ✓ Phát triển kinh tế biển (*logistics, công nghiệp, đô thị, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, năng lượng tái tạo, nuôi trồng thủy sản,...*)
  - ✓ Kinh tế nông nghiệp phát triển theo hướng nông nghiệp xanh, sinh thái, thông minh, bền vững
- ➡ 2. Tổ chức không gian theo hướng: **Một trục động lực – Hai đầu – Ba cực phát triển – Bốn vùng kinh tế - Năm hành lang kinh tế.**

# MỤC TIÊU TỔNG QUÁT ĐẾN NĂM 2030

**Đến năm 2030, tỉnh Ninh Bình là thành phố trực thuộc Trung ương; là cực tăng trưởng kinh tế mới của vùng**

**Đô thị di sản thiên nhiên kỳ, thành phố sáng tạo; cực tăng trưởng kinh tế mới của vùng Đồng bằng sông Hồng, với vai trò một trung tâm du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản của vùng, quốc gia, quốc tế và công nghiệp công nghệ cao quan trọng của liên vùng, đất nước; nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người,...**

**Phát triển kinh tế đô thị; phát triển đô thị xanh có kiến trúc hài hòa gắn với di sản, làm nền tảng xây dựng đô thị di sản giàu bản sắc**

**Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh**

**Xác lập vị thế, vai trò của trung tâm du lịch quốc gia, quốc tế**

**Trung tâm công nghiệp công nghệ cao quan trọng của liên vùng và đất nước (với trụ cột là cơ khí ô tô, công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử, chế biến, chế tạo, công nghiệp năng lượng, vật liệu xanh)**

**Có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết nối thuận lợi với các địa phương trong nước và quốc tế**

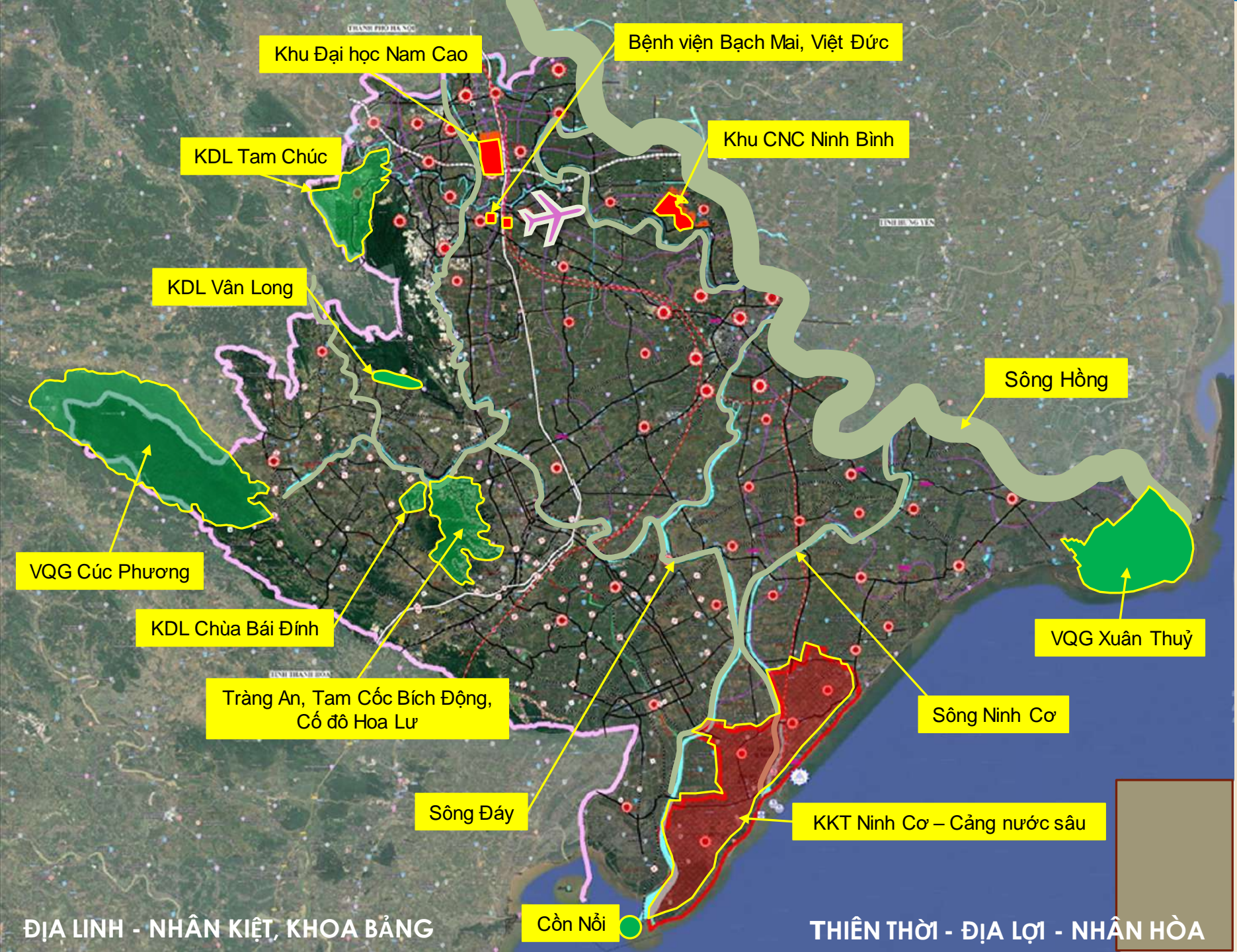
# TẦM NHÌN ĐẾN 2050

Thành phố Ninh Bình là đô thị văn minh, sinh thái, hiện đại và thông minh; Là một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước; Người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao; Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu; Môi trường có chất lượng tốt, xã hội hài hoà với thiên nhiên, phát triển hiệu quả theo hướng cac-bon thấp

# CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- ✓ Phát triển các ngành, các sản phẩm công nghiệp chủ lực (*như cơ khí, chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, năng lượng*), sản phẩm du lịch - dịch vụ đa dạng, đặc sắc, chất lượng cao (*du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, văn hóa, tâm linh, sinh thái*)
- ✓ Tập trung triển khai các đột phá về khoa học công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển kinh tế tư nhân trên nền tảng đẩy mạnh thu hút, phát triển khu công nghệ cao, khu đại học, khu công nghiệp, khu kinh tế... tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm và của địa phương
- ✓ Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương nhất là lợi thế từ vị trí chiến lược là cửa ngõ phía Nam thủ đô Hà Nội và vùng ĐBSH; huy động, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng chiến lược đồng bộ, thông minh, kết nối nội tỉnh và liên vùng, ưu tiên đẩy nhanh quy hoạch, đầu tư cảng hàng không, cảng biển nước sâu<sup>(1)</sup>, đường cao tốc, hạ tầng đô thị.
- ✓ Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển đô thị xanh có kiến trúc hài hòa gắn với di sản, làm nền tảng xây dựng đô thị di sản giàu bản sắc gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, thông minh và phát triển du lịch
- ✓ Bảo tồn, phục hồi di sản văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với phát huy nguồn lực văn hóa, tài nguyên di sản, tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho chiến lược tăng trưởng bền vững

# HIỆN TRẠNG



# LỰA CHỌN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CHO NINH BÌNH

## TIÊU CHÍ LỰA CHỌN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN

### ❖ **Tiêu chí kiểm soát phát triển:**

- Yêu cầu về quản lý trong mô hình phải ở mức độ cao, quy mô các đô thị chính hiện hữu tương đối lớn (Hoa Lư – Loại I, Phủ Lý – Loại II, Nam Định Loại II).
- Định hướng phát triển tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố Ninh Bình đạt Đô thị loại I trực thuộc Trung ương năm 2030. Tp. Ninh Bình phải trở thành một đô thị động lực, đa chức năng, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, không gian kiến trúc cảnh quan giàu bản sắc; môi trường xanh – thông minh, là một trong những trung tâm Kinh tế, Văn hóa, Công nghiệp, Du lịch, Đô thị di sản của vùng đồng bằng sông Hồng.

❖ **Tiêu chí về khả năng khai thác lợi thế vùng:** Xác định hành lang động lực phát triển dọc QL1A (hành lang trung tâm) từ Phủ Lý đi Khu kinh tế Ninh Cơ và một số khu vực có địa hình tự nhiên phù hợp với các giải pháp hữu hiệu nhất đảm bảo sự phát triển bền vững là một lựa chọn cần xem xét trước hết.

❖ **Tiêu chí về phân vùng tạo động lực phát triển:** Việc phân bố hợp lý các trung tâm phát triển sẽ tạo động lực phát triển hài hòa, giảm khoảng cách giữa các vùng.

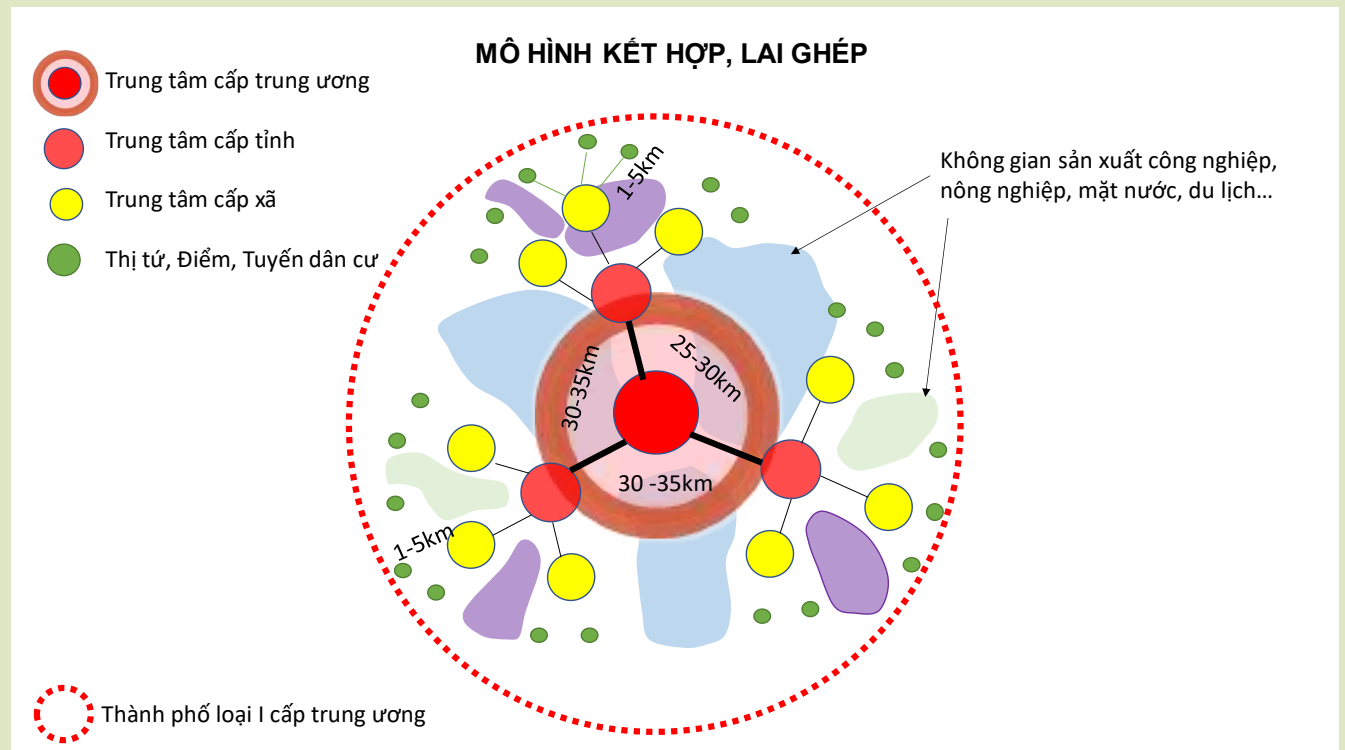
❖ **Tiêu chí về bảo vệ môi trường sinh thái, di sản thiên nhiên - văn hóa:** Rà soát các vùng khai thác nguyên vật liệu tại khu vực phía tây để kiểm soát và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, sinh thái tự nhiên gắn với đô thị di sản thiên niên kỷ.

❖ **Tiêu chí về khả năng thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu (thiên tai lũ lụt) và mực nước biển dâng cao:** Các sông ngòi cần được ưu tiên nghiên cứu, đầu tư thích đáng nhằm giảm thiểu hậu quả thiên tai. Các khu vực ven biển cần được nghiên cứu áp dụng các giải pháp bảo vệ các thành quả phát triển kinh tế - xã hội không thiệt hại do tác động của nước biển dâng.

## Lựa chọn Mô hình phát triển không gian vùng cho Ninh Bình

### MÔ HÌNH KẾT HỢP, LAI GHÉP


- Các Cực Trung Tâm phân bố trên lãnh thổ theo các vùng, chúng được kết nối với nhau bằng mạng lưới giao thông và các khu chức năng phân bố khá đồng đều cho các trung tâm.
- Mô hình này còn gọi là mô hình phân bố chia đều đa cực với các trung tâm đa cấp, các đô thị đa chức năng trong đô thị lớn.



## ĐỊNH HƯỚNG CẤU TRÚC KHÔNG GIAN TỈNH

*Cấu trúc không gian tỉnh Ninh Bình được tổ chức theo mô hình đa cực – hành lang – vành đai; lấy trục Bắc – Nam làm xương sống; kết hợp phát triển các cực đô thị, hành lang kinh tế và các vùng sinh thái, tạo nền tảng phát triển cân bằng, bền vững và thích ứng dài hạn.*

## TÍNH CHẤT PHÁT TRIỂN CỐT LÕI CỦA NINH BÌNH

*Tỉnh Ninh Bình được xác định là trung tâm phát triển tổng hợp vùng Nam đồng bằng sông Hồng; là đầu mối kết nối giao thông – logistics liên vùng; là cực tăng trưởng mới về công nghiệp, đô thị, dịch vụ và du lịch; đồng thời là đơn vị hành chính giữ vai trò điều phối không gian phát triển vùng. *

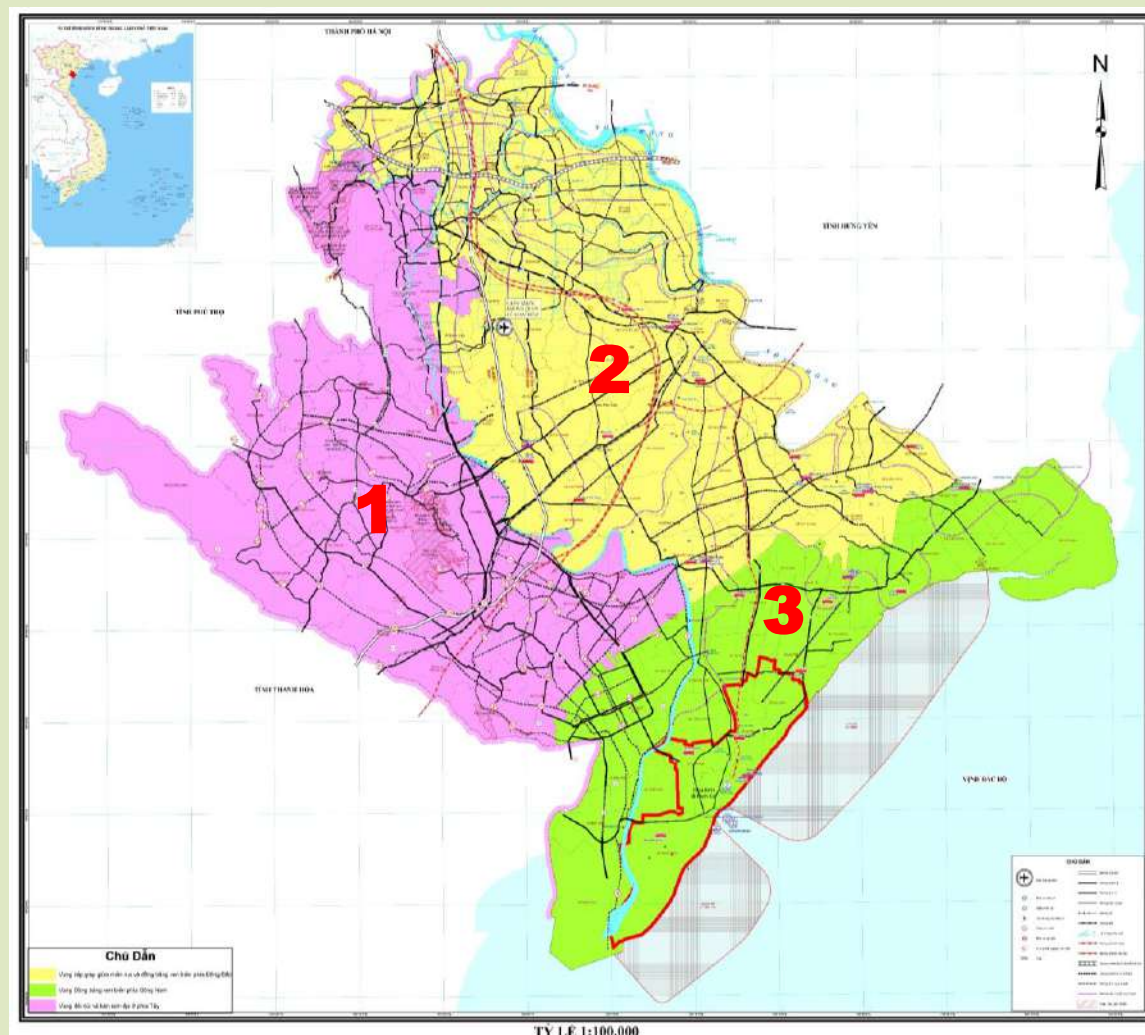
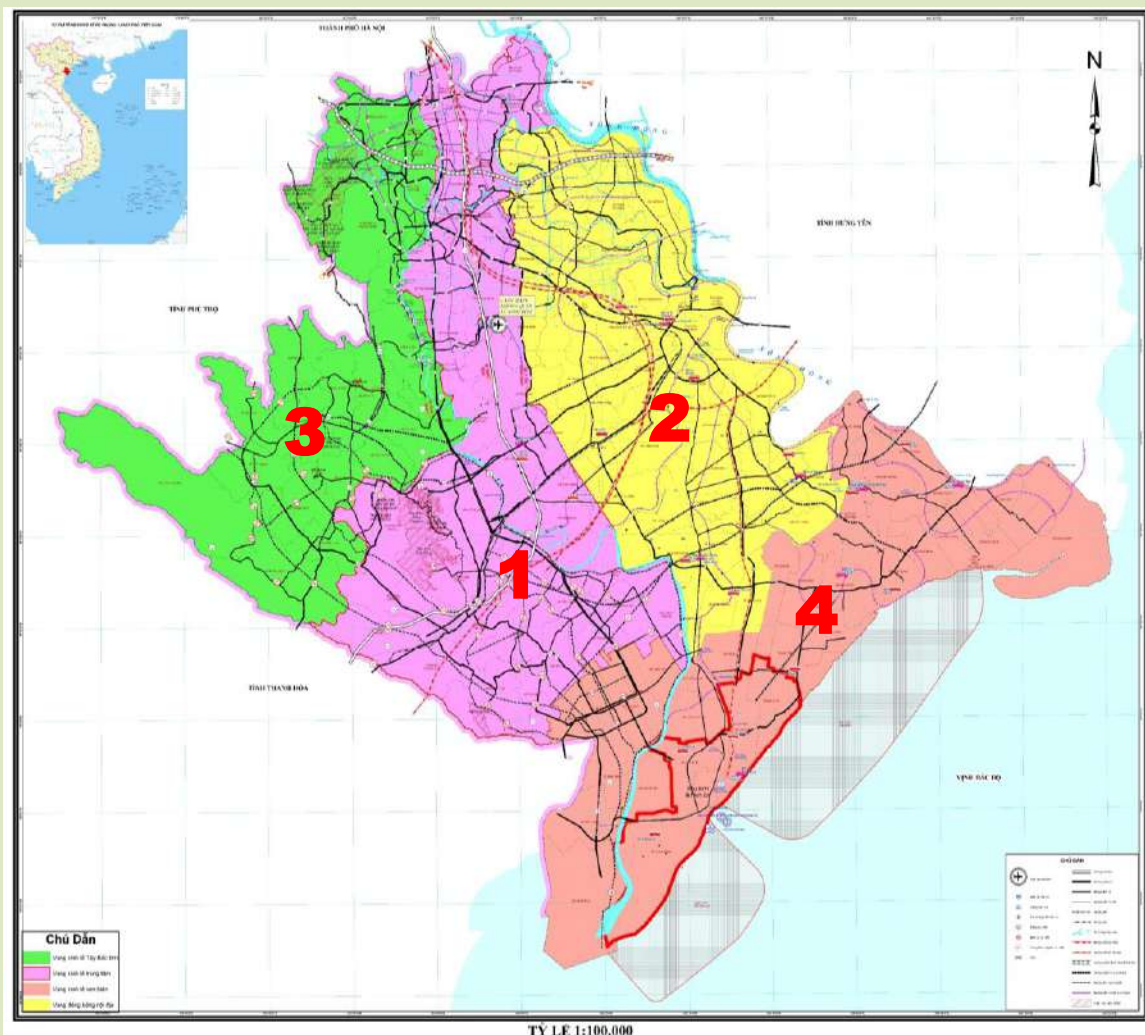
- **1. Tỉnh động lực vùng Nam đồng bằng sông Hồng**
  - ❑ Không còn là tỉnh vệ tinh, mà trở thành trung tâm phát triển vùng.
- **2. Không gian phát triển liên kết đa cực**
  - ❑ Một tỉnh nhưng có nhiều hạt nhân kinh tế – đô thị:
    - Cụm Đông – Nam: Công nghiệp – logistics – biển.
    - Cụm Trung tâm: Hành chính – dịch vụ.
    - Cụm Tây: Du lịch – sinh thái – di sản.
- **3. Cực phát triển công nghiệp & đô thị hóa**
  - ❑ Hình thành:
    - Mạng KCN quy mô lớn
    - Chuỗi đô thị hóa hành lang đường bộ, sắt cao tốc.
    - Vùng phát triển công nghiệp phụ trợ – logistics.
- **4. Không gian du lịch quốc gia mở rộng**
  - ❑ Từ “quần thể Tràng An” thành liên vùng di sản thiên nhiên – văn hóa – tâm linh – **biển**.
- **5. Đơn vị hành chính cấp tỉnh mang chức năng quản trị vùng**
  - ❑ Nâng cấp mạnh:
    - Quy hoạch tích hợp.
    - Quản trị lãnh thổ quy mô lớn.
    - Điều phối hạ tầng liên tỉnh.

# PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN NINH BÌNH

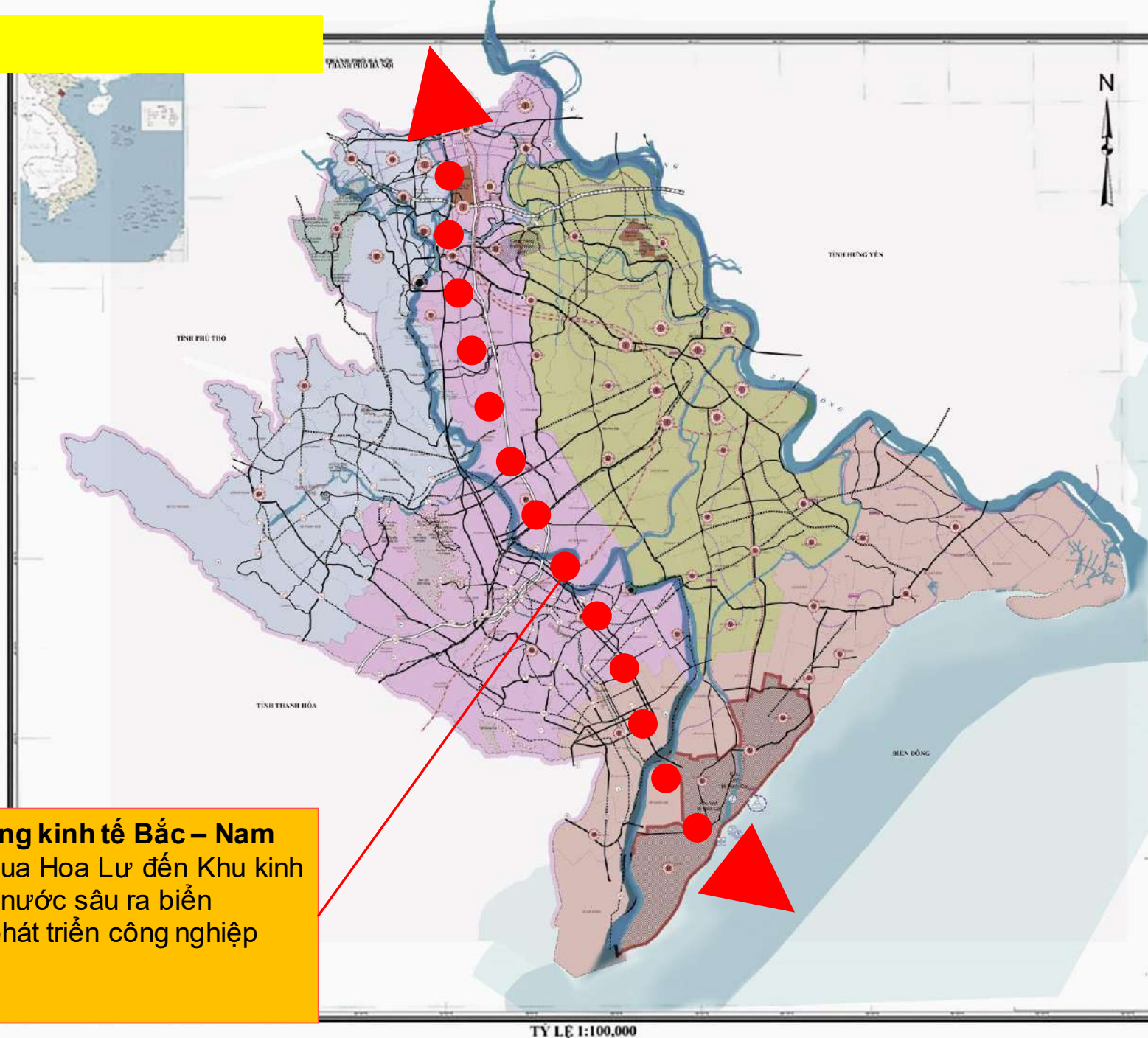
## PHÂN TÍCH LỰA CHỌN PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN

Phương án I: Tổ chức không gian 4 vùng

Phương án II: Tổ chức không gian 3 vùng



# MỘT TRỤC ĐỘNG LỰC



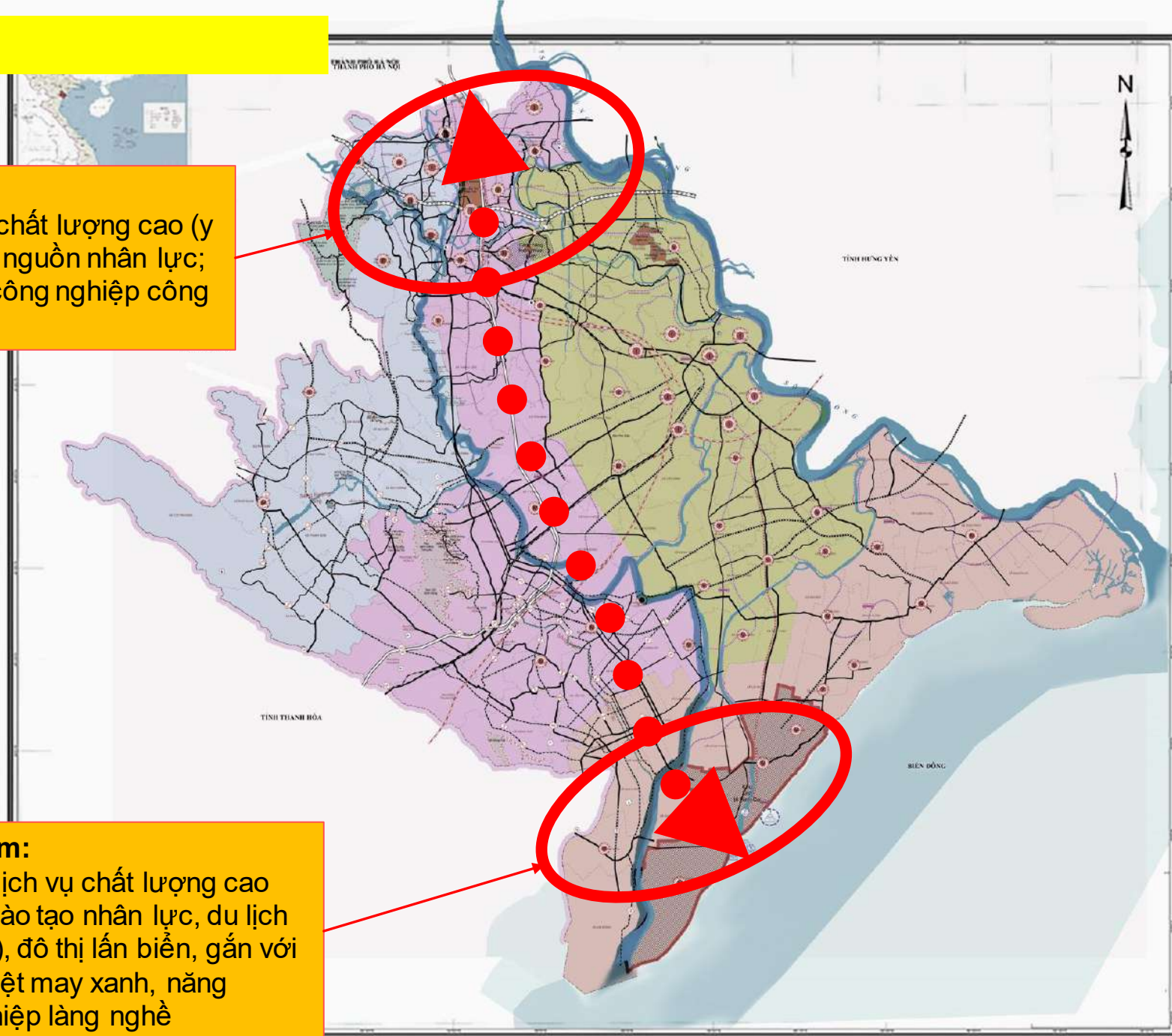
**Trục động lực Hành lang kinh tế Bắc – Nam**  
từ Hà Nội qua Phủ Lý qua Hoa Lư đến Khu kinh tế Ninh Cơ – Cảng biển nước sâu ra biển

- Trọng điểm về phát triển công nghiệp
- Kinh tế đô thị
- Thương mại dịch vụ

# HAI ĐẦU PHÁT TRIỂN

## Đầu phát triển phía Bắc:

Phát triển thương mại, dịch vụ chất lượng cao (y tế chăm sóc sức khỏe; đào tạo nguồn nhân lực; hàng không...), đô thị gắn với công nghiệp công nghệ cao



## Đầu phát triển phía Nam:

Phát triển kinh tế biển, dịch vụ chất lượng cao (vận tải biển, logistics, đào tạo nhân lực, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng...), đô thị lấn biển, gắn với phát triển công nghiệp dệt may xanh, năng lượng, tiểu thủ công nghiệp làng nghề

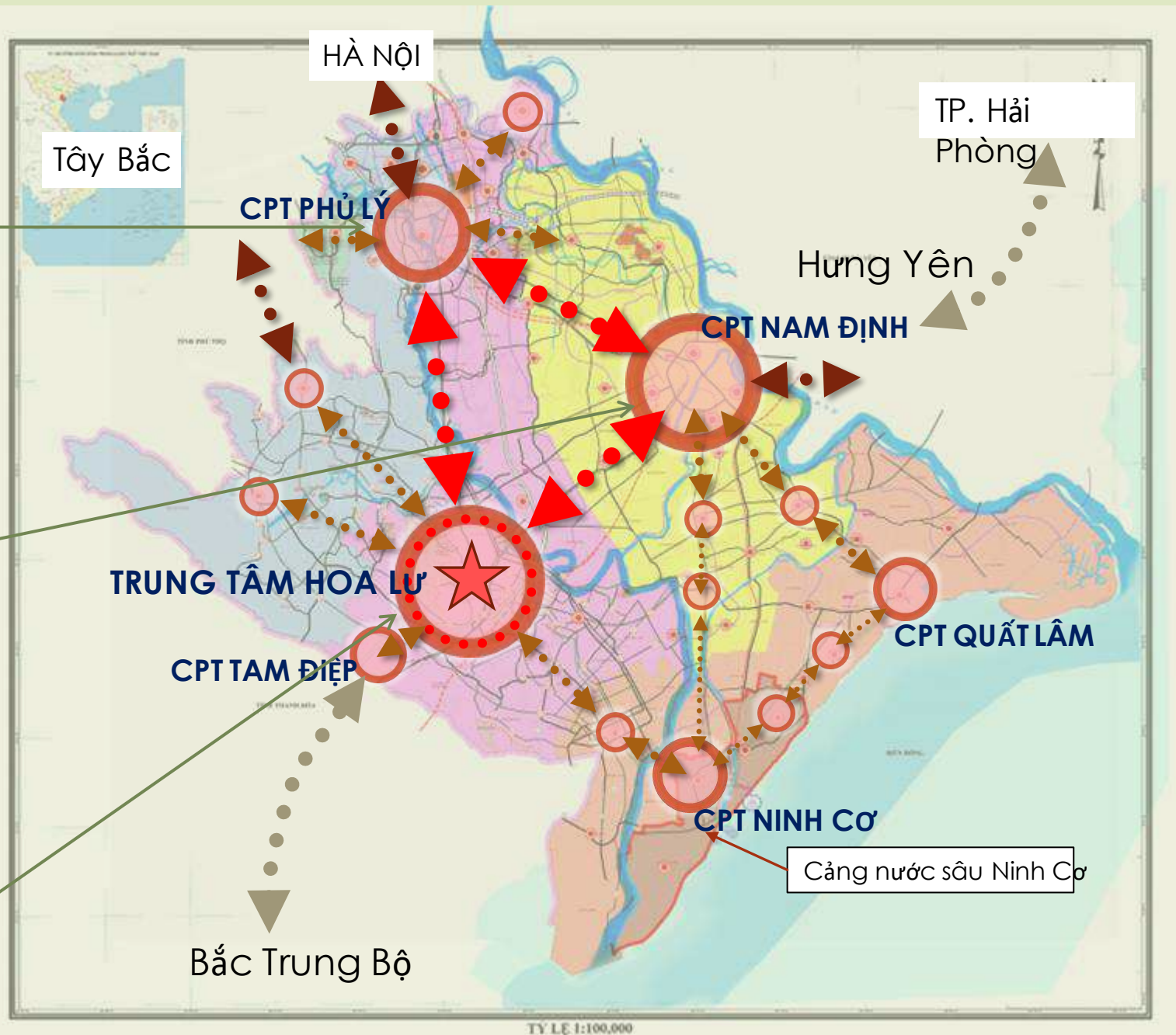
TỶ LỆ 1:100,000

## BA CỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

**Khu vực Đô thị Phủ Lý:** Là đô thị trung tâm phía Bắc của tỉnh. Phát triển hình thành các trung tâm dịch vụ, công nghiệp, y tế, giáo dục, kinh tế, logistics và vận tải của tỉnh Ninh Bình và vùng Thủ đô Hà Nội. Định hướng đô thị hiện đại, gắn với dịch vụ thương mại đô thị.

**Khu vực Đô thị Nam Định:** Là đô thị trung tâm phía Đông tỉnh Ninh Bình. Phát triển hình thành các trung tâm văn hóa, dịch vụ, y tế, giáo dục, kinh tế của tỉnh Ninh Bình. Định hướng đô thị văn hóa, lịch sử, gắn với dịch vụ du lịch, thương mại đô thị của vùng đồng bằng sông Hồng.

**Khu vực Đô thị Hoa Lư:** Là đô thị trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, thể thao và dịch vụ của tỉnh Ninh Bình. Định hướng phát triển đô thị di sản, gắn với phát triển công nghiệp văn hóa, hình thành trung tâm du lịch, văn hóa cấp quốc gia và quốc tế.



# BỐN VÙNG KINH TẾ

## Vùng 3: Vùng kinh tế Tây Bắc tỉnh

Bao gồm khu vực phía Tây và hữu ngạn sông Đáy; định hướng phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, khám phá, chăm sóc sức khỏe, công nghiệp sạch; trong dài hạn cải tạo phục hồi môi trường các khu vực khai thác khoáng sản, chuyển đổi sang phát triển theo hướng du lịch sinh thái bền vững.

## Vùng 2: Vùng đồng bằng nội địa

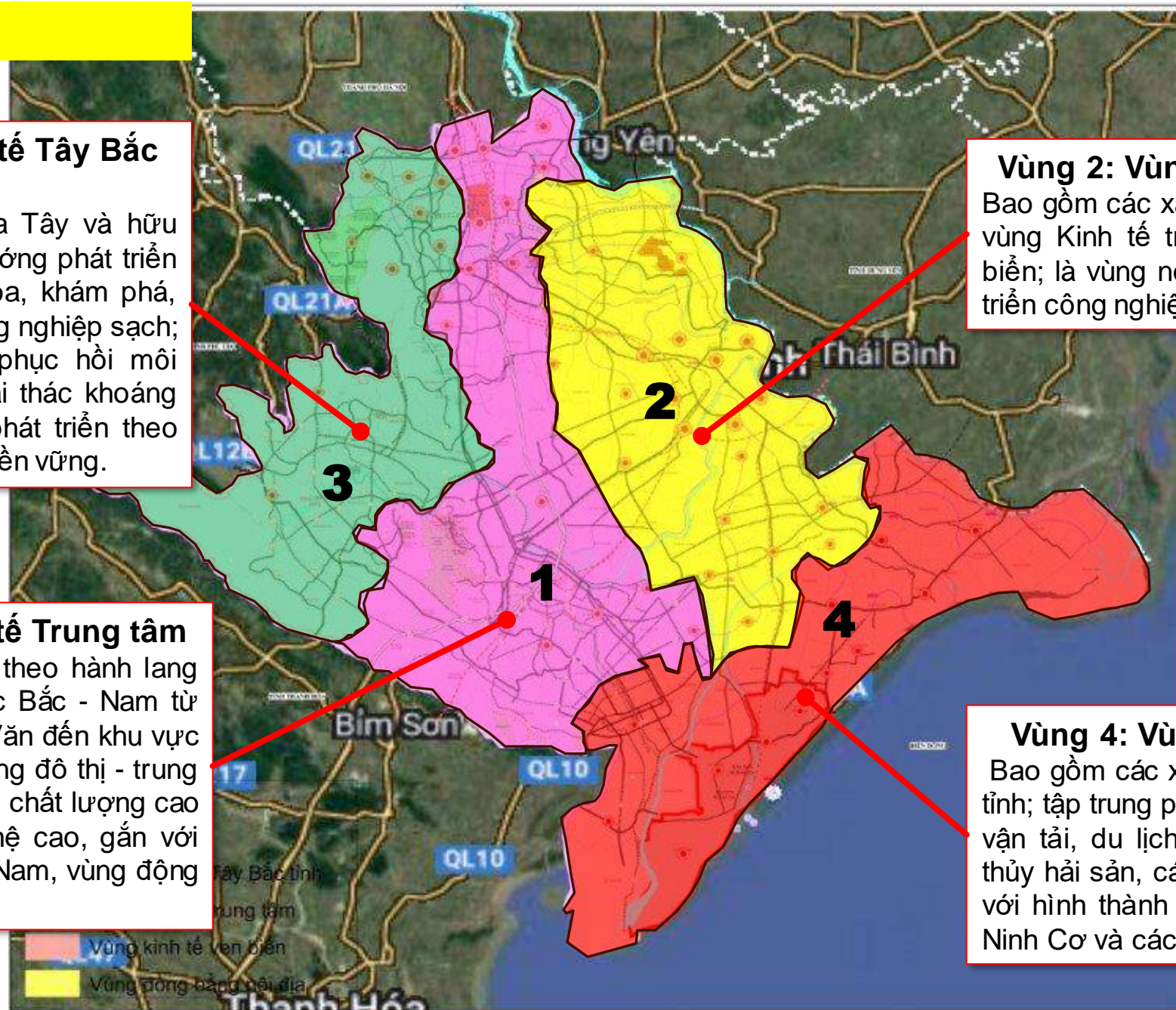
Bao gồm các xã trong khu vực nằm giữa vùng Kinh tế trung tâm và Kinh tế ven biển; là vùng nông nghiệp, mở rộng phát triển công nghiệp, dịch vụ.

## Vùng 1: Vùng Kinh tế Trung tâm

Bao gồm khu vực dọc theo hành lang QL.1, đường bộ cao tốc Bắc - Nam từ khu vực phường Đồng Văn đến khu vực phường Tam Điệp; là vùng đô thị - trung tâm hành chính - dịch vụ chất lượng cao - công nghiệp công nghệ cao, gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam, vùng động lực chính của tỉnh

## Vùng 4: Vùng Kinh tế ven biển

Bao gồm các xã khu vực phía Đông của tỉnh; tập trung phát triển kinh tế biển, như: vận tải, du lịch, nuôi trồng và khai thác thủy hải sản, các ngành công nghiệp gắn với hình thành và phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ và các khu công nghiệp của tỉnh.



# NĂM TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ

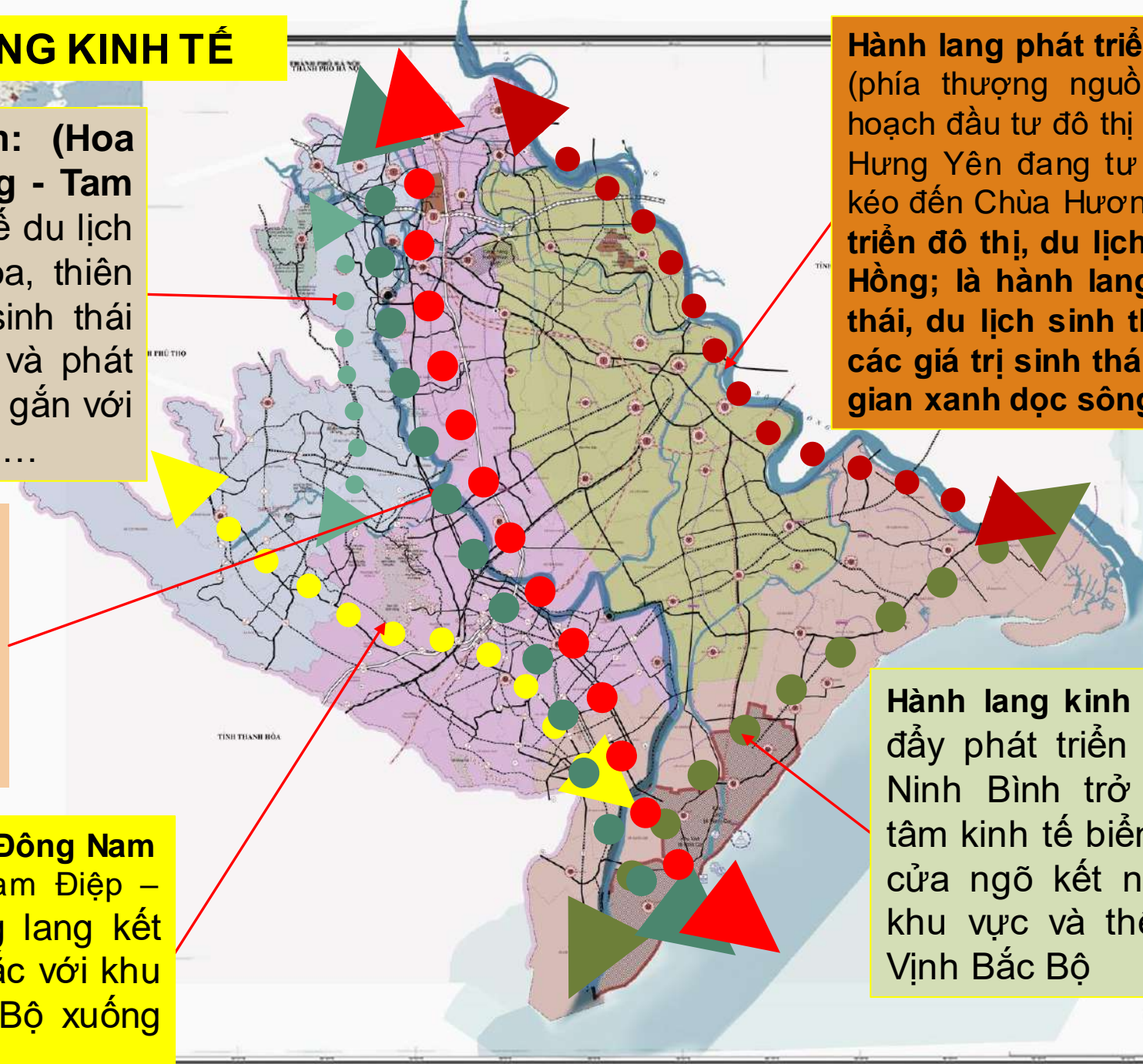
**Hành lang kinh tế du lịch: (Hoa Lư - Bái Đính - Vân Long - Tam Chúc):** là hành lang kinh tế du lịch kết nối các di sản văn hóa, thiên nhiên; hành lang xanh - sinh thái kết nối không gian đô thị và phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch gắn với bảo tồn các giá trị sinh thái,...

**Hành lang phát triển dọc sông Đáy:** Không gian kết nối các khu/điểm di sản văn hóa, thiên nhiên dọc sông Đáy gắn với phát triển đô thị

**Hành lang kết nối Tây Bắc – Đông Nam (Hoà Bình – Nho Quan – Tam Điệp – Phát Diệm – Ninh Cơ):** hành lang kết nối toàn bộ khu vực Tây Bắc với khu vực ĐBSH và Bắc Trung Bộ xuống các tỉnh phía Nam

**Hành lang phát triển dọc sông Hồng** (phía thượng nguồn Hà Nội đang quy hoạch đầu tư đô thị dọc sông Hồng; Phía Hưng Yên đang tư tuyến đường di sản kéo đến Chùa Hương): **Không gian phát triển đô thị, du lịch sinh thái dọc sông Hồng; là hành lang đô thị xanh - sinh thái, du lịch sinh thái gắn với bảo tồn các giá trị sinh thái, cảnh quan, không gian xanh dọc sông Hồng**

**Hành lang kinh tế ven biển:** Thúc đẩy phát triển kinh tế biển đưa Ninh Bình trở thành một trung tâm kinh tế biển mạnh của vùng; cửa ngõ kết nối Ninh Bình với khu vực và thế giới thông qua Vịnh Bắc Bộ



# ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

# TP. NINH BÌNH VÀO NĂM 2030

Đô thị loại I trực thuộc TW năm 2030

Hành lang kinh tế Du lịch – di sản văn hóa, TL

01 Trục động lực Bắc – Nam.

02 Đầu phát triển kinh tế

03 Cực Phát triển kinh tế

04 Vùng kinh tế

05 Hành lang phát triển kinh tế

Hành lang phát triển kinh tế Tây Bắc – Đông Nam

01 Sân bay quốc tế

01 Sân bay quốc nội/ chuyên dụng

01 Cảng nước sâu – Logistic Ninh cơ

01 Không gian đô thị ngầm

Hành lang đô thị, du lịch kinh tế dọc sông Đáy

Đường cao tốc CT 01 (Bắc – Nam)

Đường sắt cao tốc Bắc Nam  
Có bố trí TOD trong không gian tỉnh

Đầu phát triển phía Bắc

Cảng hàng không quốc tế Ninh Bình

Không gian ngầm đô thị

3 Cực đô thị lõi phát triển kinh tế

Hành lang phát triển dọc sông Hồng

2 Trục kinh tế kết nối các đô thị lớn/cực phát triển chính

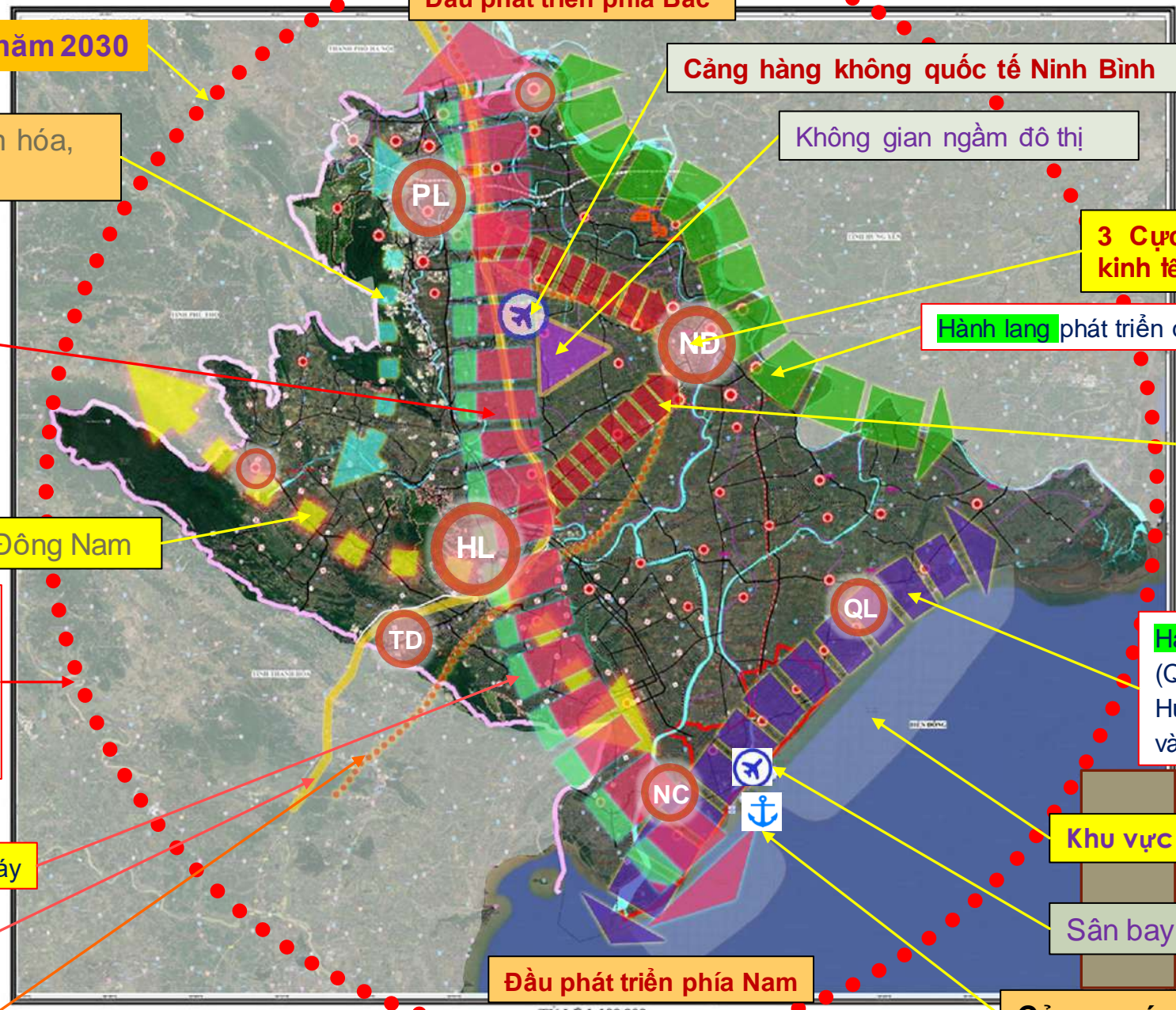
Hành lang kinh tế ven biển (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hưng Yên - Ninh Bình (thuộc vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ)

Khu vực lân biển 30000-50000 Ha

Sân bay Du lịch/Chuyên dụng

Cảng nước sâu Ninh Cơ

Đầu phát triển phía Nam



TỶ LỆ 1:100,000

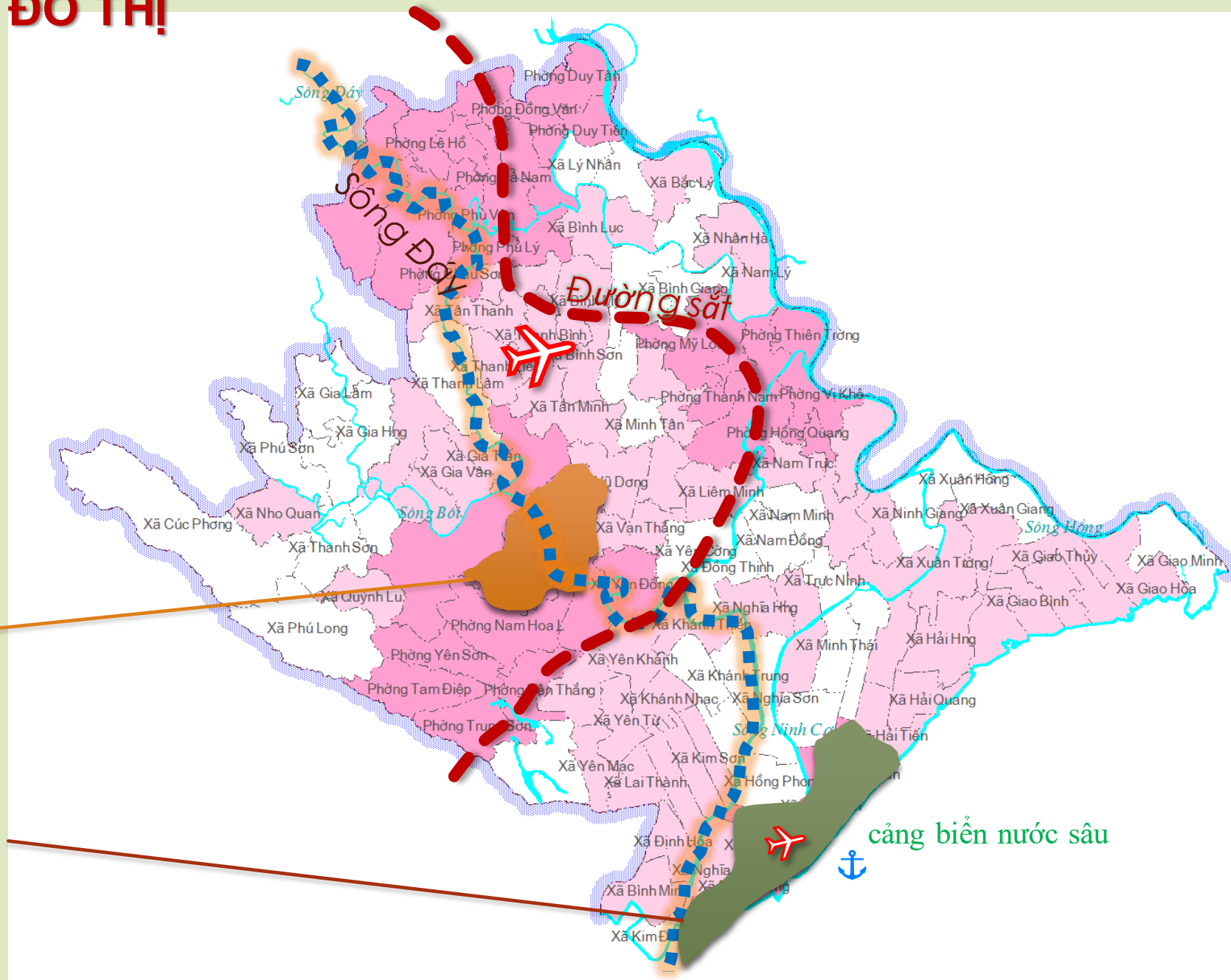
# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Huy động, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển **hệ thống đô thị thông minh**, sáng, xanh, sạch, đẹp, có bản sắc riêng; đến năm 2030 là đô thị loại I, đô thị trung tâm quốc gia với đặc trưng đô thị di sản thiên nhiên kỷ, thành phố sáng tạo có thương hiệu trong khu vực và quốc tế.

Quy hoạch các khu vực phát triển đô thị, mở rộng không gian, dự địa tạo bút phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân như:

(1) Phát triển đô thị hai bên bờ sông Đáy khu vực **Hoa Lư, Ý Yên** gắn với di sản

(2) Phát triển các đô thị TOD các khu vực núi giao **đường bộ, nhà ga đường sắt tốc độ cao**, cảng hàng không, cảng biển, **khu kinh tế** - khu công nghiệp, khu du lịch...

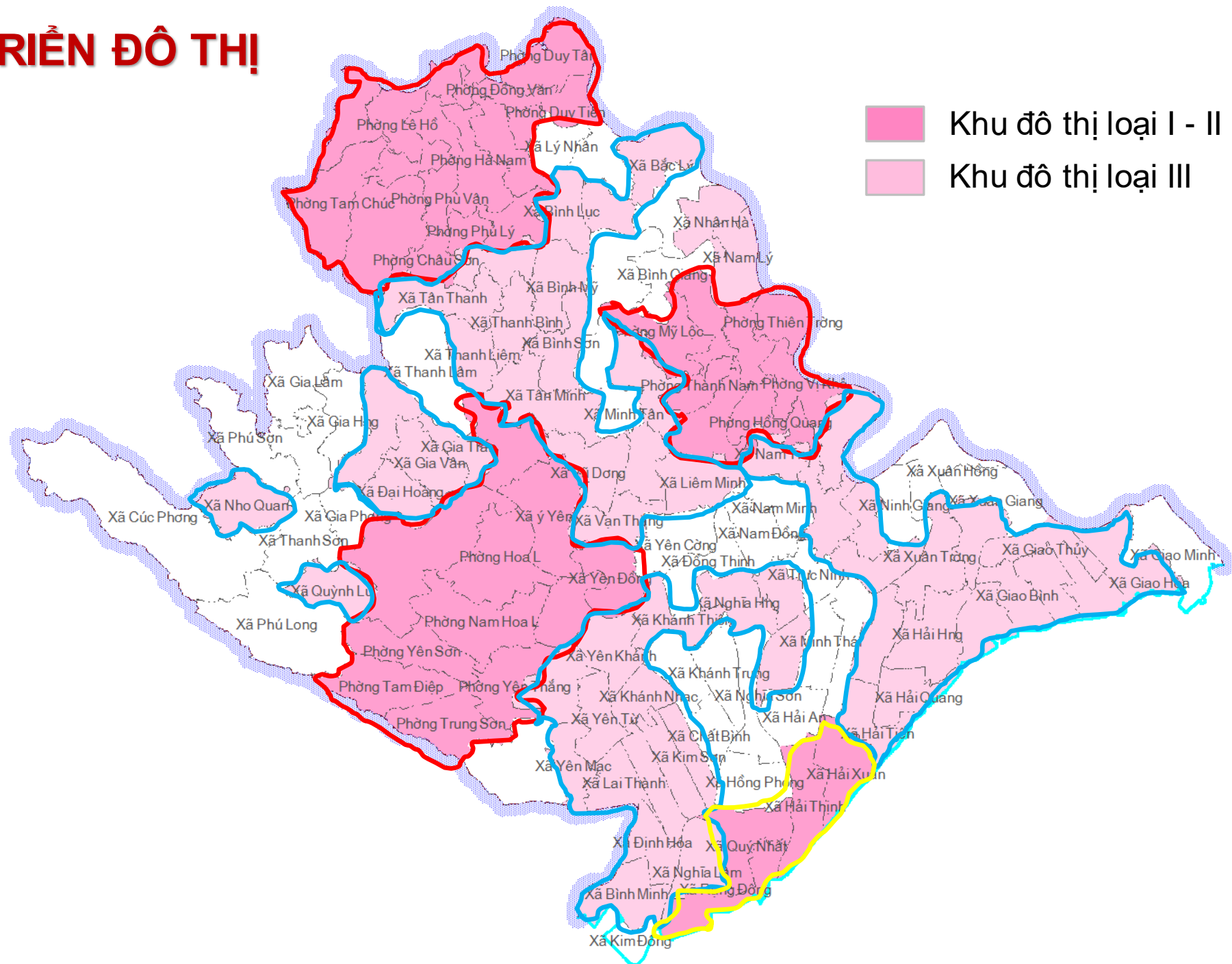


# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Đến **năm 2030**, Ninh Bình có hệ thống đô thị bao gồm **42 khu vực phát triển đô thị** chia làm **02 cấp đô thị: 06 khu vực đô thị loại II (Đô thị Hoa Lư; đô thị Tam Điệp; đô thị Nam Định; đô thị Phủ Lý; đô thị Duy Tiên; đô thị Kim Bảng)** và **36 khu vực đô thị loại III.**

**94 phường dự kiến bao gồm**

- ✓ **32** Phường hiện hữu;
- ✓ **62** xã lập quy hoạch chung đô thị định hướng lên phường;



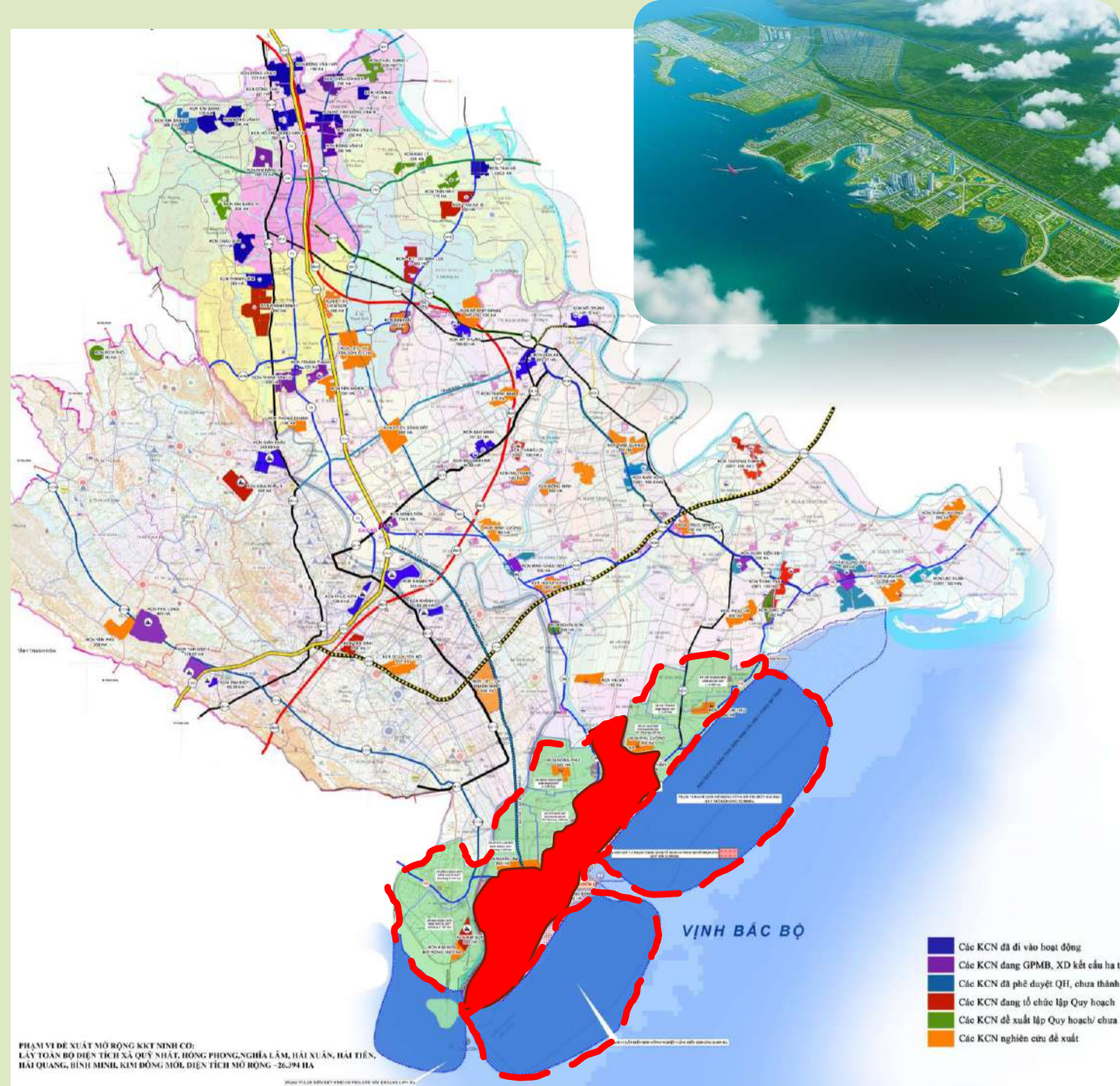


# PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

## Khu kinh tế Ninh Cơ

1. Mở rộng và phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ thành **khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, đa chức năng, là một cực tăng trưởng của tỉnh Ninh Bình**; kết nối, chia sẻ chức năng và liên thông hạ tầng với các khu kinh tế ven biển Bắc Bộ như Cát Hải - Đình Vũ, Nghi Sơn và Thái Bình

2. Quy mô nghiên cứu mở rộng lên khoảng 80.000 ha, gồm 40.000 ha đất liền (các xã Rạng Đông, Quỳ Nhất, Hải Thịnh, Hải Xuân, Nghĩa Lâm, ...) và **lấn biển gần 40.000 ha mặt biển**.



Cảng biển nước sâu - bến cảng tổng hợp quốc tế và logistics (công suất khoảng 120 triệu tấn/năm, tiếp nhận tàu 300.000 tấn)



Nhà máy đóng tàu



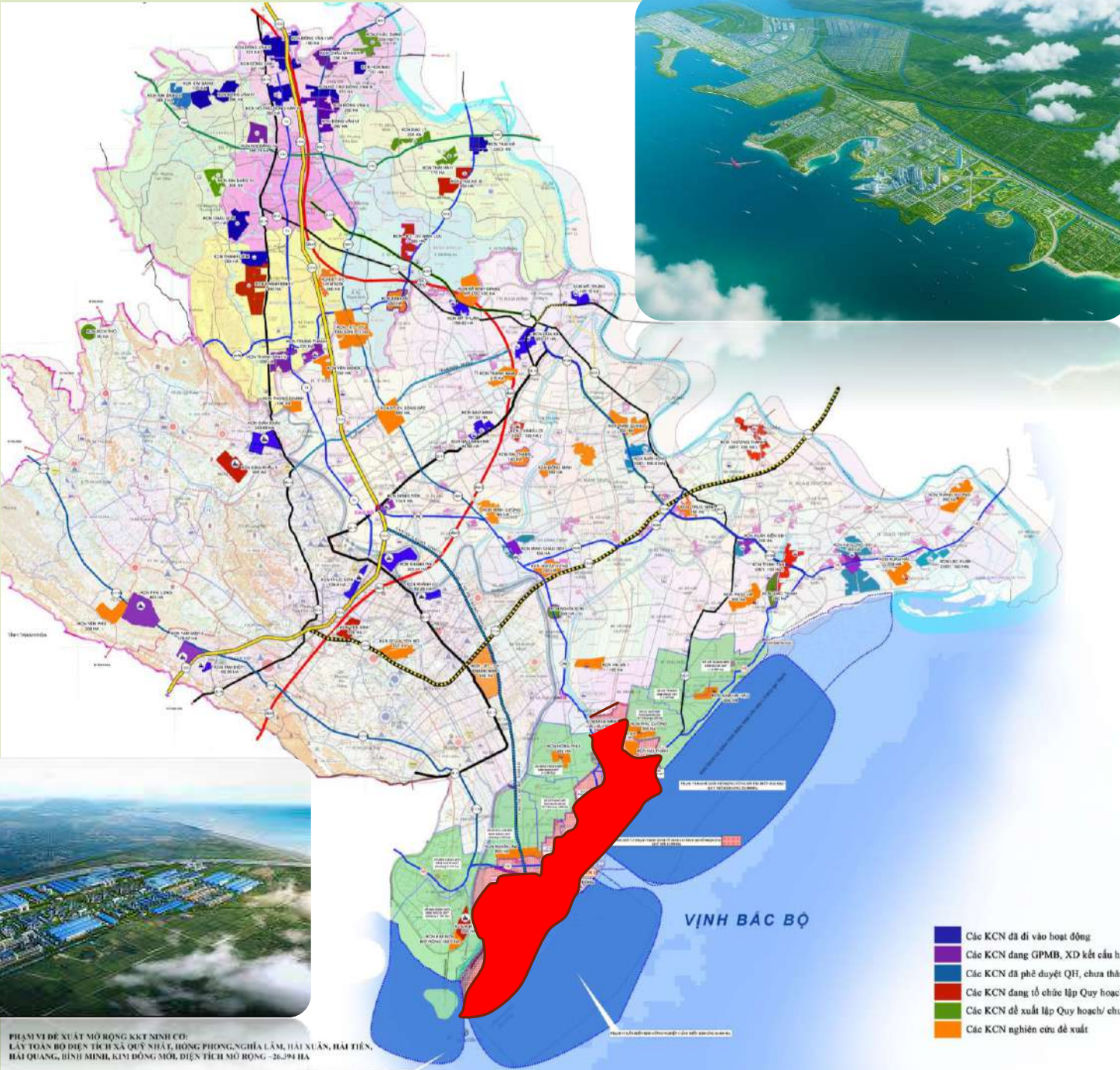
Nhà máy thép xanh số 1



Nhà máy ethanol và khu nhà ở

Nhà máy thiết bị điện gió và khu phụ trợ

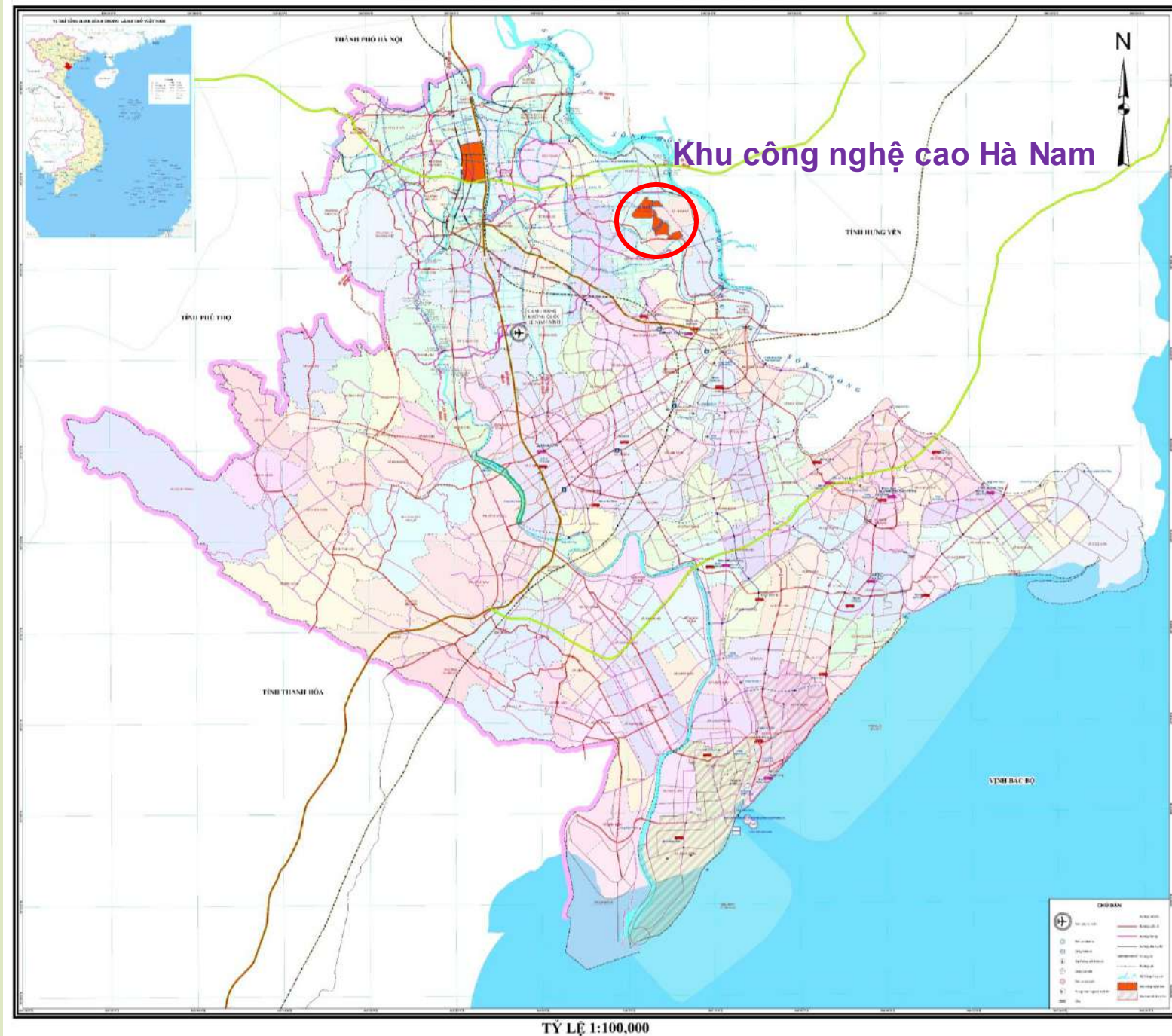
Nhà máy hydro xanh



## Khu công nghệ cao Hà Nam:

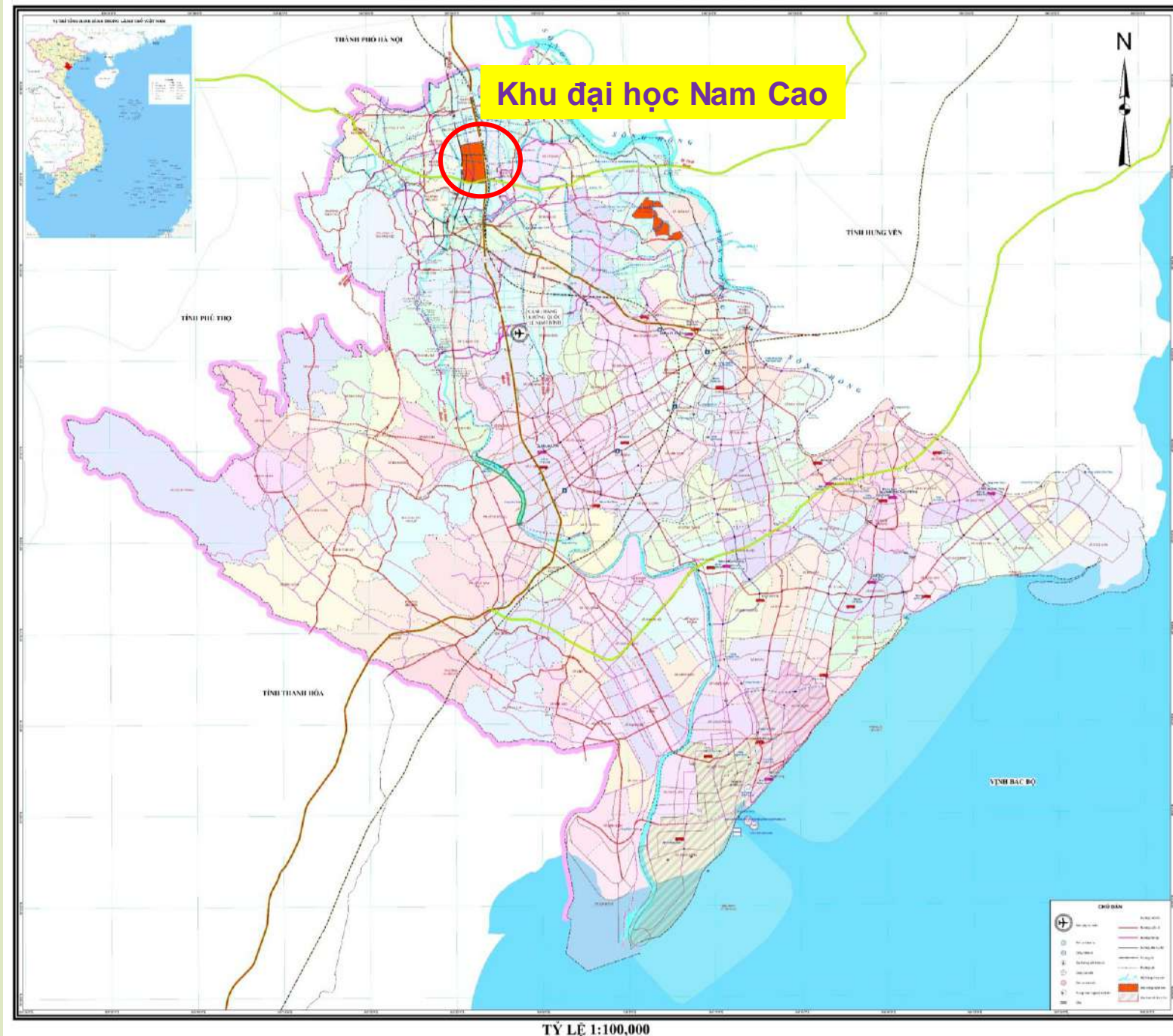
Tập trung hoàn thiện hạ tầng sớm đưa Khu công nghệ cao Hà Nam (khoảng 663ha) vào hoạt động, phát huy vai trò dẫn dắt chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Thu hút các dự án thuộc lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ điện tử - bán dẫn, tự động hóa, công nghệ sinh học và y dược, công nghệ vật liệu mới.



**Khu đại học Nam Cao (754ha):** Khu đại học gồm tổ hợp các cơ sở giáo dục đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng xã hội để thu hút các cơ sở giáo dục, trường đại học, các viện nghiên cứu có uy tín xây dựng các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo



TỶ LỆ 1:100,000

# ĐIỀU CHỈNH KHU CÔNG NGHIỆP

## ❖ Khu công nghiệp:

- ✓ Theo 3 Quy hoạch cũ có **53 KCN** với tổng diện tích là **14.995,76ha**
- ✓ Điều chỉnh tăng diện tích: **03 KCN** với diện tích tăng 48,62ha (KCNTam Điệp I từ 66,38ha lên 95ha, tăng 28,62ha; KCN Trung Thành từ 200ha lên 220ha, tăng 20ha; KCN Bảo Minh)
- ✓ Điều chỉnh giảm diện tích (tỷ lệ nhỏ): **16 KCN** với diện tích giảm khoảng **83 ha**
- ✓ Đưa ra khỏi quy hoạch **01 KCN**, KCN Phong Hưng Khánh, quy mô 300ha tại Xã Ý Yên và xã Phong Doanh

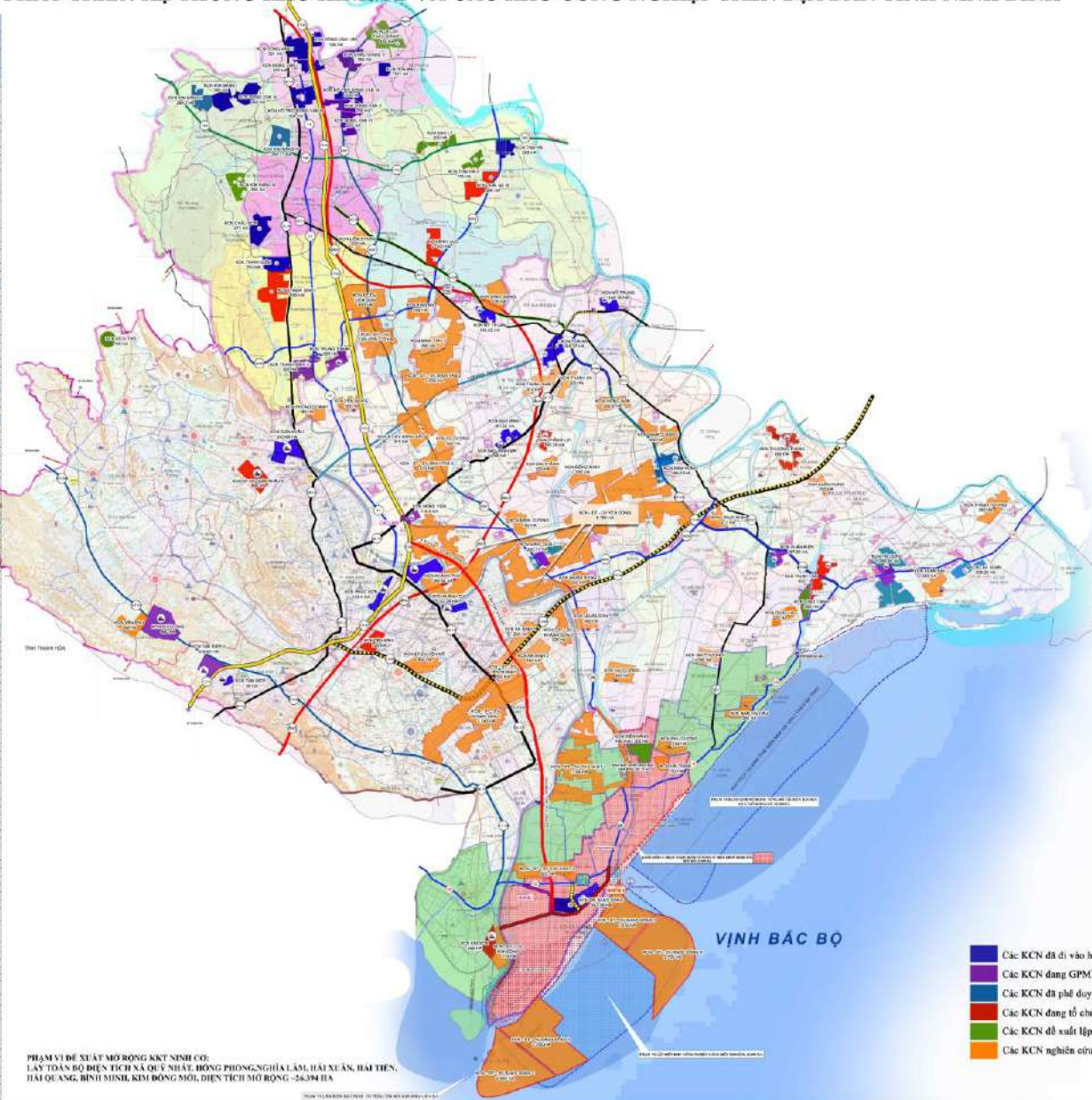
**Bổ sung mới: 45** Khu công nghiệp với tổng diện tích **32.958,9 ha**

→ Thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Ninh Bình có 97 KCN, với tổng diện tích đề xuất 47.745,88 ha (bổ sung thêm 45 KCN, với tổng diện tích tăng khoảng 32.958,9 ha)

# ĐIỀU CHỈNH KHU CÔNG NGHIỆP

## PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

STT	Tên khu công nghiệp	Số diện tích (ha)	Diện tích (ha)			
			Tổng diện tích	Đã đi vào hoạt động	Đang GPMB, XD kết cấu hạ tầng	Đang chờ phê duyệt QH, chưa thành lập
1	Khu công nghiệp Bình Sơn	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
2	Khu công nghiệp Bình Sơn 2	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
3	Khu công nghiệp Bình Sơn 3	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
4	Khu công nghiệp Bình Sơn 4	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
5	Khu công nghiệp Bình Sơn 5	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
6	Khu công nghiệp Bình Sơn 6	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
7	Khu công nghiệp Bình Sơn 7	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
8	Khu công nghiệp Bình Sơn 8	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
9	Khu công nghiệp Bình Sơn 9	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
10	Khu công nghiệp Bình Sơn 10	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
11	Khu công nghiệp Bình Sơn 11	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
12	Khu công nghiệp Bình Sơn 12	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
13	Khu công nghiệp Bình Sơn 13	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
14	Khu công nghiệp Bình Sơn 14	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
15	Khu công nghiệp Bình Sơn 15	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
16	Khu công nghiệp Bình Sơn 16	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
17	Khu công nghiệp Bình Sơn 17	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
18	Khu công nghiệp Bình Sơn 18	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
19	Khu công nghiệp Bình Sơn 19	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
20	Khu công nghiệp Bình Sơn 20	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
21	Khu công nghiệp Bình Sơn 21	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
22	Khu công nghiệp Bình Sơn 22	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
23	Khu công nghiệp Bình Sơn 23	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
24	Khu công nghiệp Bình Sơn 24	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
25	Khu công nghiệp Bình Sơn 25	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
26	Khu công nghiệp Bình Sơn 26	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
27	Khu công nghiệp Bình Sơn 27	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
28	Khu công nghiệp Bình Sơn 28	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
29	Khu công nghiệp Bình Sơn 29	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
30	Khu công nghiệp Bình Sơn 30	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
31	Khu công nghiệp Bình Sơn 31	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
32	Khu công nghiệp Bình Sơn 32	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
33	Khu công nghiệp Bình Sơn 33	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
34	Khu công nghiệp Bình Sơn 34	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
35	Khu công nghiệp Bình Sơn 35	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
36	Khu công nghiệp Bình Sơn 36	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
37	Khu công nghiệp Bình Sơn 37	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
38	Khu công nghiệp Bình Sơn 38	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
39	Khu công nghiệp Bình Sơn 39	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
40	Khu công nghiệp Bình Sơn 40	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
41	Khu công nghiệp Bình Sơn 41	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
42	Khu công nghiệp Bình Sơn 42	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
43	Khu công nghiệp Bình Sơn 43	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
44	Khu công nghiệp Bình Sơn 44	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
45	Khu công nghiệp Bình Sơn 45	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
46	Khu công nghiệp Bình Sơn 46	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
47	Khu công nghiệp Bình Sơn 47	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
48	Khu công nghiệp Bình Sơn 48	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
49	Khu công nghiệp Bình Sơn 49	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00
50	Khu công nghiệp Bình Sơn 50	1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	0,00



Khu công nghiệp hiện trạng
   
 Khu công nghiệp đang GPMB
   
 Khu công nghiệp đang chờ QH
   
 Khu công nghiệp đang chờ lập Quy hoạch
   
 Khu công nghiệp đang chờ lập Quy hoạch/chưa lập Quy hoạch
   
 Khu công nghiệp nghiên cứu đề xuất

PHẠM VI ĐỀ XUẤT MỞ RỘNG KKT SINH CỎ:  
 LẠN TỎAN ĐỒ ĐIỆN TÍCH KÀ ĐỀ XE NIỀM, HỒNG PHƯƠNG, GIẢ LÂM, HẢI XUÂN, HẢI TIẾN,  
 HẢI QUANG, BÌNH MINH, KIM ĐỒNG, MỎ ĐIỆN TÍCH MỞ RỘNG - 26.904 HA

- Các KCN đã đi vào hoạt động
- Các KCN đang GPMB, XD kết cấu hạ tầng
- Các KCN đã phê duyệt QH, chưa thành lập
- Các KCN đang tổ chức lập Quy hoạch
- Các KCN đã xuất lập Quy hoạch/ chưa lập Quy hoạch
- Các KCN nghiên cứu đề xuất

# ĐIỀU CHỈNH CỤM CÔNG NGHIỆP

## ❖ **Cụm công nghiệp:**

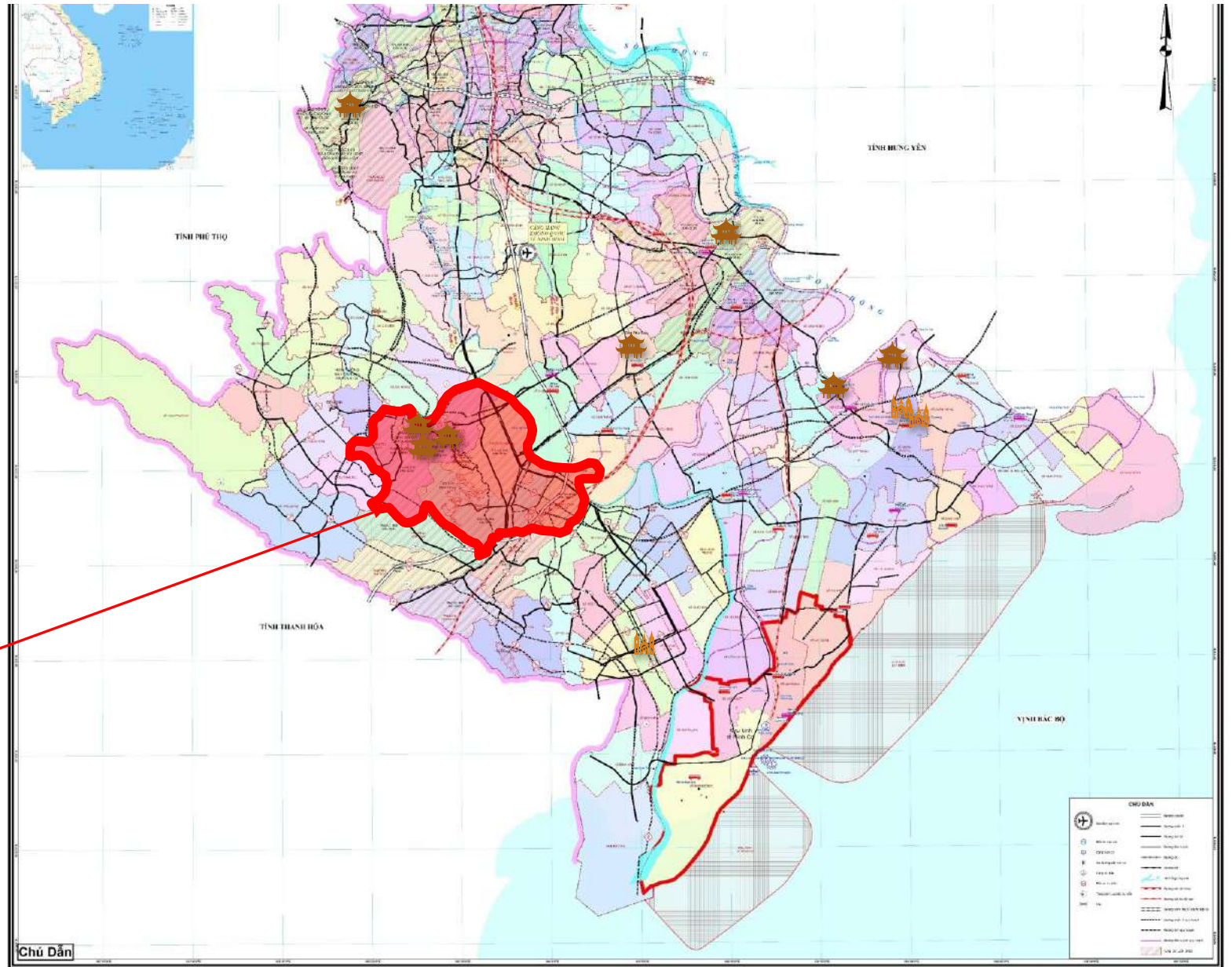
- ✓ Theo 3 Quy hoạch cũ **117 CCN với diện tích 5.583ha**
  - ✓ Điều chỉnh **tăng diện tích 02 CCN** với tổng diện tích sau mở rộng 87ha; gồm: CCN làng nghề Hải Vân (tăng từ 10,7ha lên 21,7ha) và CCN Thịnh Lâm (tăng từ 22ha lên 64,5ha);
  - ✓ Điều chỉnh **giảm diện tích 02 CCN** gồm: Kim Bình (giảm từ 73,46ha xuống 56,07ha) và Thi Sơn (giảm từ 74,1ha xuống 29,49ha);
  - ✓ Đưa **ra khỏi quy hoạch 30CCN**, trong đó: (i) 21 CCN đã thành lập với diện tích 331,5ha; (ii) 09 CCN chưa thành lập với diện tích 465 ha.
  - ✓ **Bổ sung: 27 CCN** với diện tích 1.677ha.
- **Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Ninh Bình có 114 CCN với tổng diện tích 6.557ha.**

## PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Tổ chức không gian du lịch dựa trên hệ thống tài nguyên du lịch di sản văn hoá. Tập trung xây dựng 01 trung tâm - 03 không gian chiến lược - 05 tuyến du lịch - 07 cụm du lịch, đảm bảo tính liên kết vùng, liên ngành và tính đặc thù của từng không gian du lịch

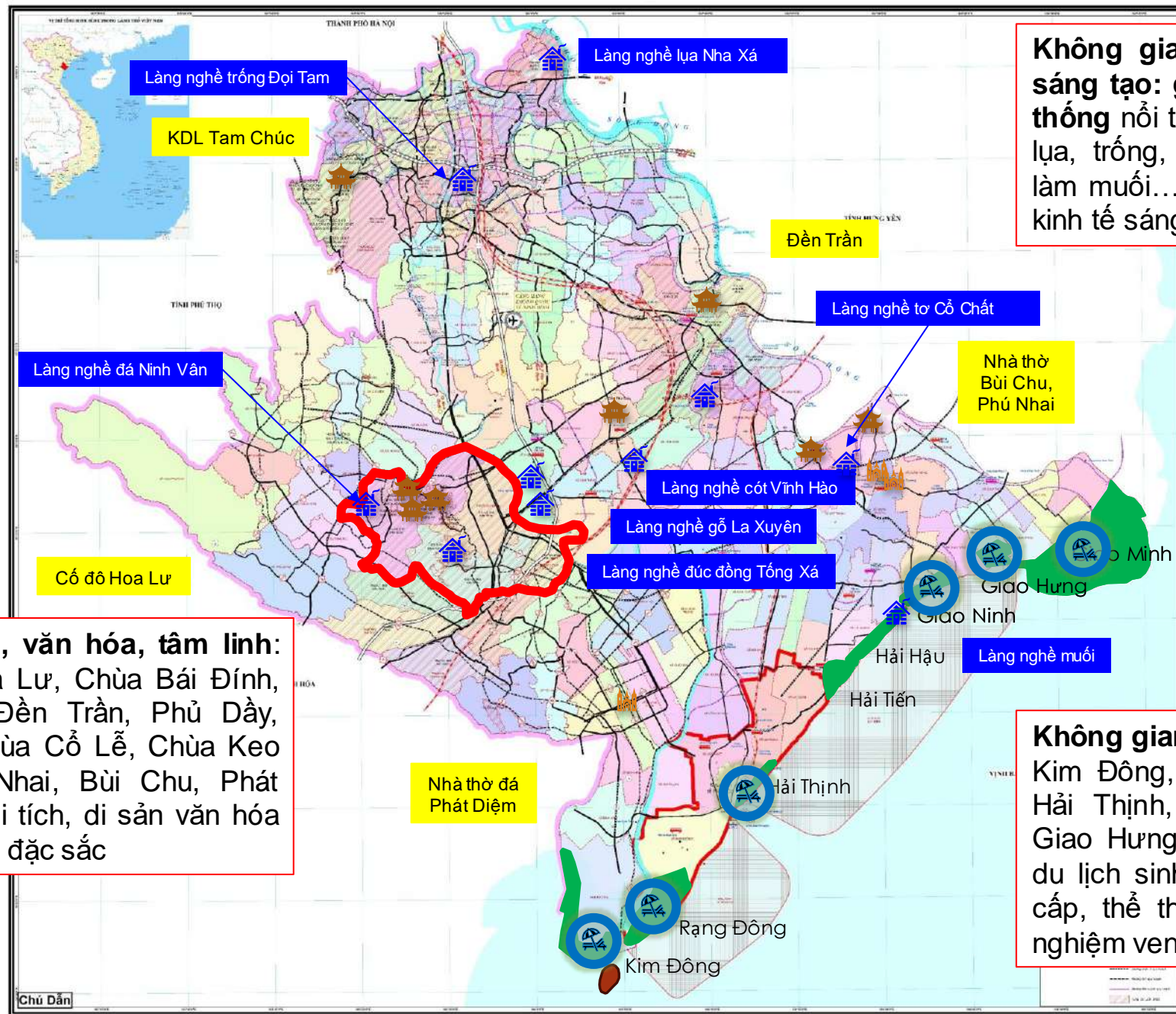
Trung tâm du lịch - công nghiệp văn hóa Ninh Bình: Hướng tới hình thành Đô thị di sản thiên niên kỷ Hoa Lư, là trung tâm hội tụ giá trị di sản, sáng tạo và giao lưu quốc tế, với hệ thống dịch vụ du lịch chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế, gắn với các hoạt động nghệ thuật, thể thao, sự kiện và công nghiệp văn hóa hiện đại

Một trung tâm du lịch quốc gia, quốc tế - Định vị thương hiệu Ninh Bình là “Trung tâm du lịch di sản - sinh thái - văn hóa - tôn giáo của Việt Nam”



TỶ LỆ 1:100,000

# BA KHÔNG GIAN CHIẾN LƯỢC, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN



**Không gian làng nghề, cộng đồng sáng tạo: gồm các làng nghề truyền thống nổi tiếng như cói, thêu ren, mộc, lụa, trồng, sơn mài, đồng, cây cảnh, làm muối..., gắn với sản phẩm OCOP, kinh tế sáng tạo và du lịch cộng đồng**

**Không gian di sản, văn hóa, tâm linh: gồm Trùng An, Hoa Lư, Chùa Bái Đính, Chùa Tam Chúc, Đền Trần, Phủ Dầy, Chùa Phổ Minh, Chùa Cổ Lễ, Chùa Keo Hành Thiện, Phú Nhai, Bùi Chu, Phát Diệm và hệ thống di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc**

**Không gian sinh thái, biển, sông: Kim Đông, Rạng Đông, Hải Tiến, Hải Thịnh, Hải Hậu, Giao Ninh, Giao Hưng, Giao Minh; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, thể thao biển và du lịch trải nghiệm ven biển**

# NĂM TUYẾN DU LỊCH LIÊN KẾT VÙNG

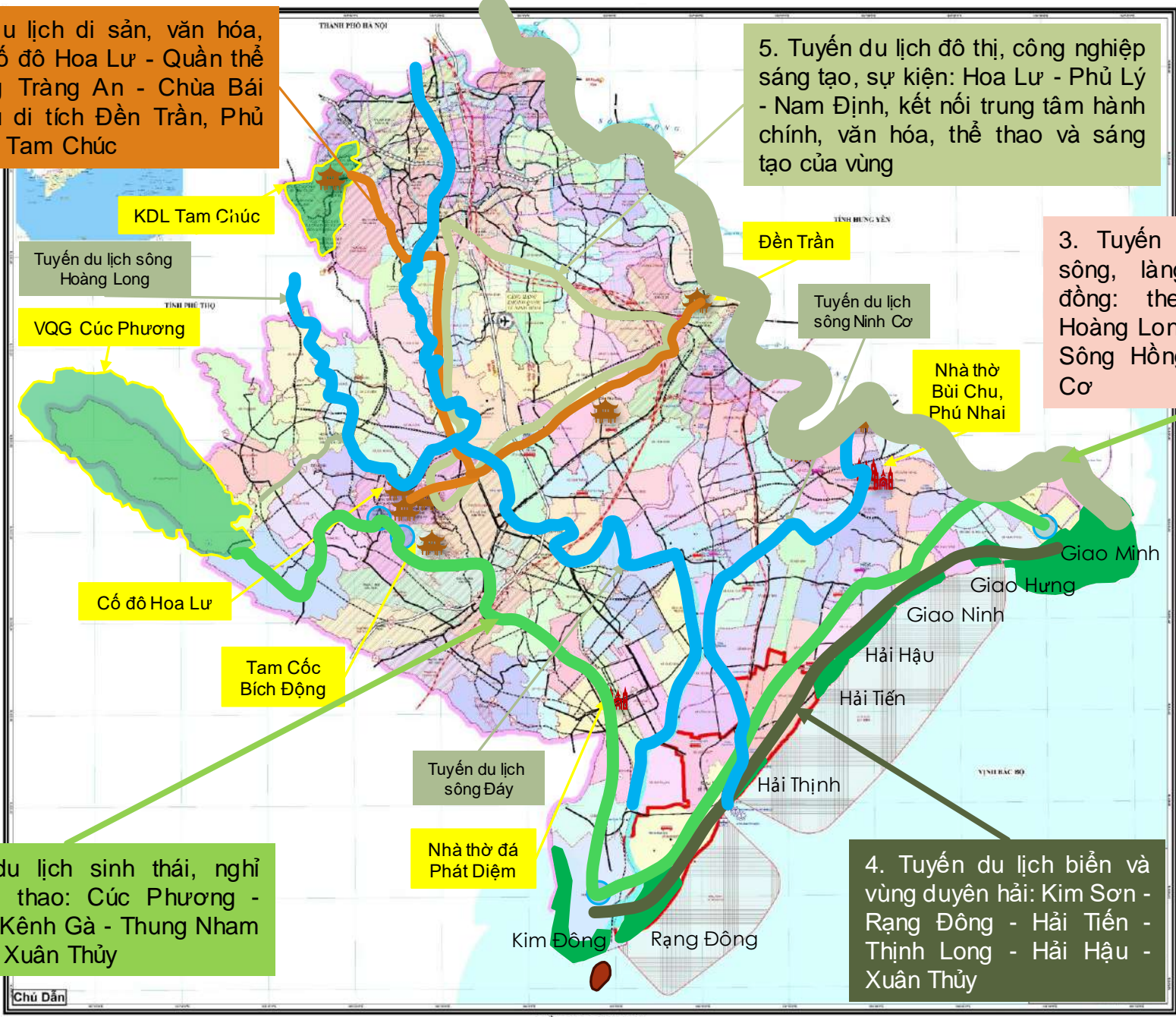
1. Tuyến du lịch di sản, văn hóa, tâm linh: Cố đô Hoa Lư - Quần thể danh thắng Tràng An - Chùa Bái Đính - Khu di tích Đền Trần, Phủ Dầy - Chùa Tam Chúc

5. Tuyến du lịch đô thị, công nghiệp sáng tạo, sự kiện: Hoa Lư - Phủ Lý - Nam Định, kết nối trung tâm hành chính, văn hóa, thể thao và sáng tạo của vùng

3. Tuyến du lịch đường sông, làng nghề, cộng đồng: theo trục Sông Hoàng Long - Sông Đáy - Sông Hồng - Sông Ninh Cơ

2. Tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao: Cúc Phương - Vân Long - Kênh Gà - Thung Nham - Kim Sơn - Xuân Thủy

4. Tuyến du lịch biển và vùng duyên hải: Kim Sơn - Rạng Đông - Hải Tiến - Thịnh Long - Hải Hậu - Xuân Thủy

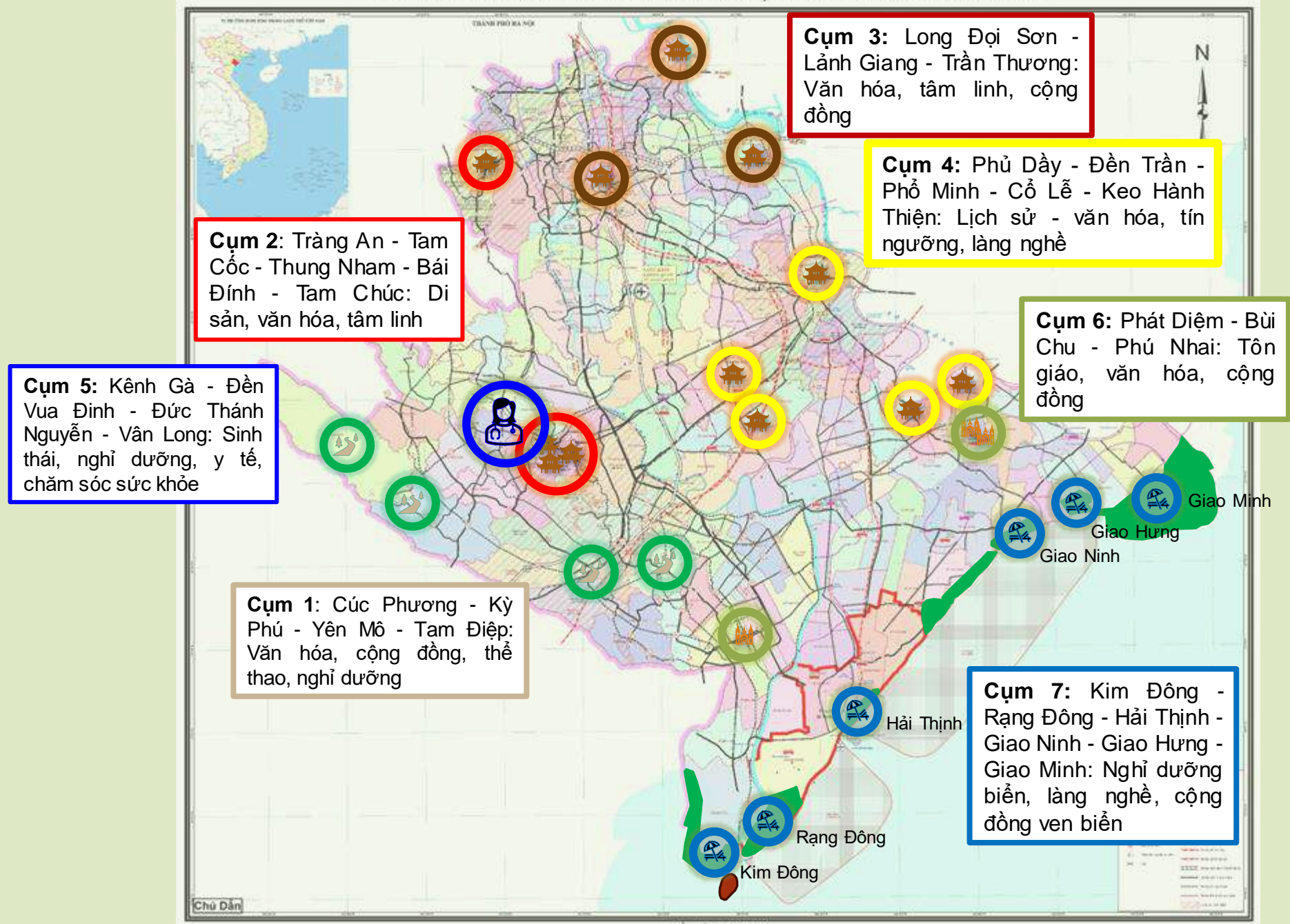


- Nghiên cứu hình thành các tua, tuyến du lịch trên sông gắn với di sản thiên nhiên thế giới kết nối văn hóa tâm linh, lễ hội (Tràng An - Phát Diệm - Phủ Dầy - Thiên Trường), khu dự trữ sinh quyển thế giới (vườn quốc gia Xuân Thủy) trên cơ sở kết nối của các tuyến sông Ninh Cơ, Hoàng Long, Đáy và Vạc.
- Khai thác du lịch sinh thái trải nghiệm trên sông Đào - sông Hồng - cửa Ba Lạt gắn với vùng dự trữ sinh quyển thế giới Ramsa và vườn quốc gia Xuân Thủy. Dự kiến 4 điểm đón, trả khách trên dọc tuyến.
- Khai thác giá trị cảnh quan và di sản văn hóa ven sông như: Trục du lịch sinh thái quốc gia Tràng An, cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động; Tuyến Tràng An - Tam Cốc - Bái Đính - sông Hoàng Long - sông Đáy; định hướng mở rộng kết nối về phía Nam (Phát Diệm - Kim Sơn - cửa Đáy) và phía Bắc (Phủ Lý - Nam Định - sông Hồng).

Chú Dẫn

TỶ LỆ 1:100,000

# BẢY CỤM DU LỊCH TRỌNG ĐIỂM



**Cụm 2:** Tràng An - Tam Cốc - Thung Nham - Bái Đính - Tam Chúc: Di sản, văn hóa, tâm linh

**Cụm 3:** Long Đội Sơn - Lãnh Giang - Trần Thương: Văn hóa, tâm linh, cộng đồng

**Cụm 4:** Phủ Dầy - Đền Trần - Phố Minh - Cổ Lễ - Keo Hành Thiện: Lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, làng nghề

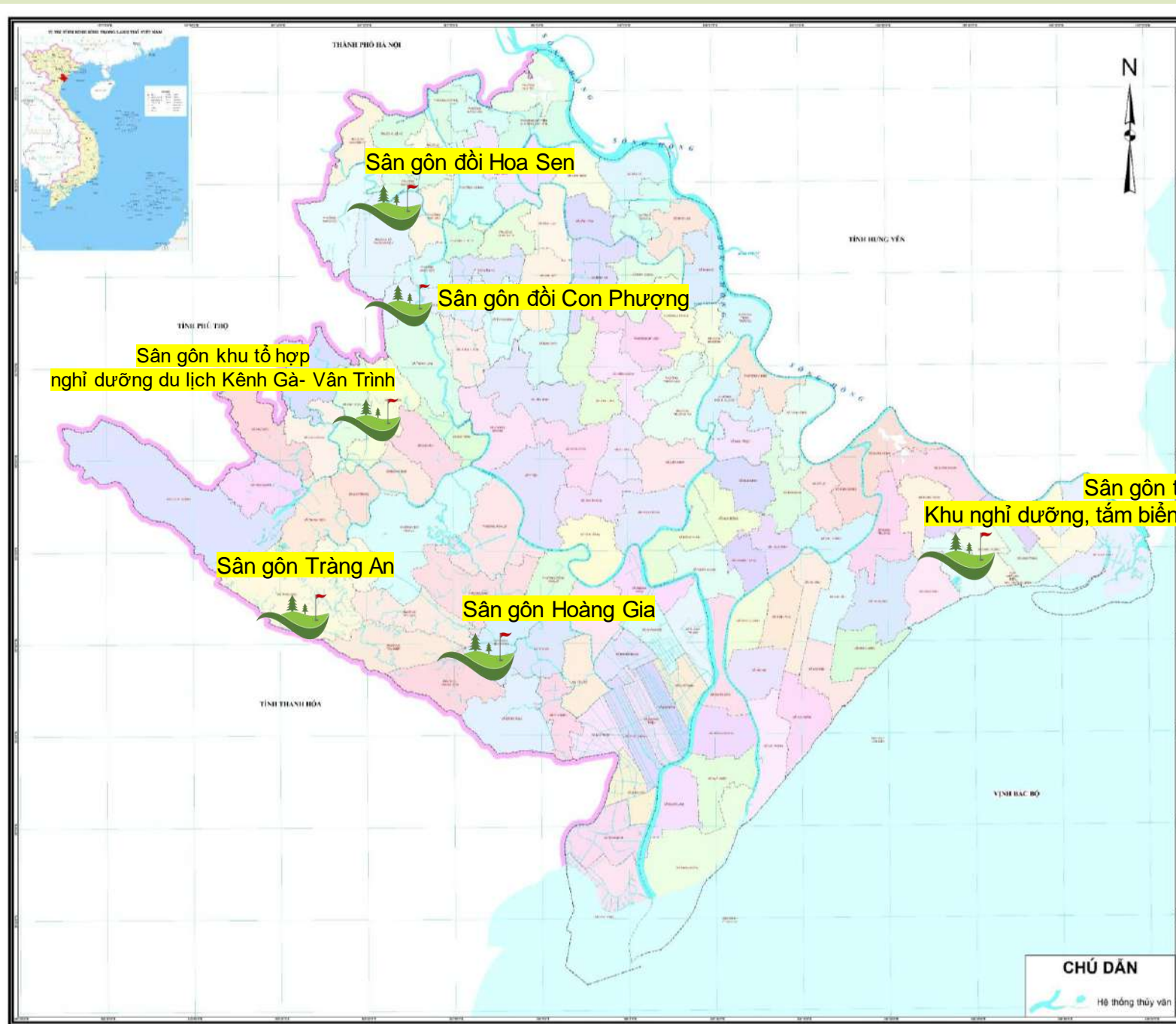
**Cụm 5:** Kênh Gà - Đền Vua Đinh - Đức Thánh Nguyễn - Vân Long: Sinh thái, nghỉ dưỡng, y tế, chăm sóc sức khỏe

**Cụm 6:** Phát Diệm - Bùi Chu - Phú Nhuận: Tôn giáo, văn hóa, cộng đồng

**Cụm 1:** Cúc Phương - Kỳ Phú - Yên Mô - Tam Điệp: Văn hóa, cộng đồng, thể thao, nghỉ dưỡng

**Cụm 7:** Kim Đông - Rạng Đông - Hải Thịnh - Giao Ninh - Giao Hưng - Giao Minh: Nghỉ dưỡng biển, làng nghề, cộng đồng ven biển

# PHÁT TRIỂN SÂN GÔN 08



## **Để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch, ngoài việc hoàn thiện quy hoạch và thu hút đầu tư phát triển Quần thể danh thắng Tràng An; khu du lịch Tam Chúc; khu du lịch Vân Long, Cúc Phương, Khu dự trữ sinh quyển châu thổ Sông Hồng... và cơ sở lưu trú cao cấp**

- ✓ Triển khai hạ tầng chiến lược, ưu tiên nghiên cứu quy hoạch đầu tư cảng hàng không quốc tế (điều kiện tiên quyết để trở thành trung tâm du lịch tầm quốc tế là phải có sân bay quốc tế); các thiết chế văn hóa - nghệ thuật hiện đại
- ✓ Hoàn thiện tuyến đường bộ và đường sắt kết nối từ Hà Nội đến các đô thị Hà Nam - Nam Định - Ninh Bình, đặc biệt là kết nối với các khu du lịch Tràng An - Tam Chúc - Đền Trần
- ✓ Đầu tư xây dựng cảng du lịch, dịch vụ biển quốc tế tại đô thị Nam Định kết nối vùng biển - sông - đồng bằng
- ✓ Làm sạch các con sông và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy dọc sông Đáy (bến du thuyền sông Đáy), sông Hoàng Long để phát triển kinh tế trên sông, ven sông, đặc biệt là du lịch du thuyền trên sông
- ✓ Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp điện ảnh, xây dựng phim trường quốc tế và trung tâm sản xuất nội dung số ứng dụng công nghệ cao (tại Hoa Lư).

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Phát triển nhanh, bền vững kinh tế biển tỉnh Ninh Bình, trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh; kết nối, chia sẻ chức năng và liên thông hạ tầng với các khu kinh tế ven biển Bắc Bộ như Cát Hải - Đình Vũ, Nghi Sơn và Thái Bình.

- Tập trung mở rộng hành lang công nghiệp - dịch vụ biển gắn với Khu kinh tế Ninh Cơ, trong đó:

+ Sớm hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Hải Long (VSIP Nam Định);

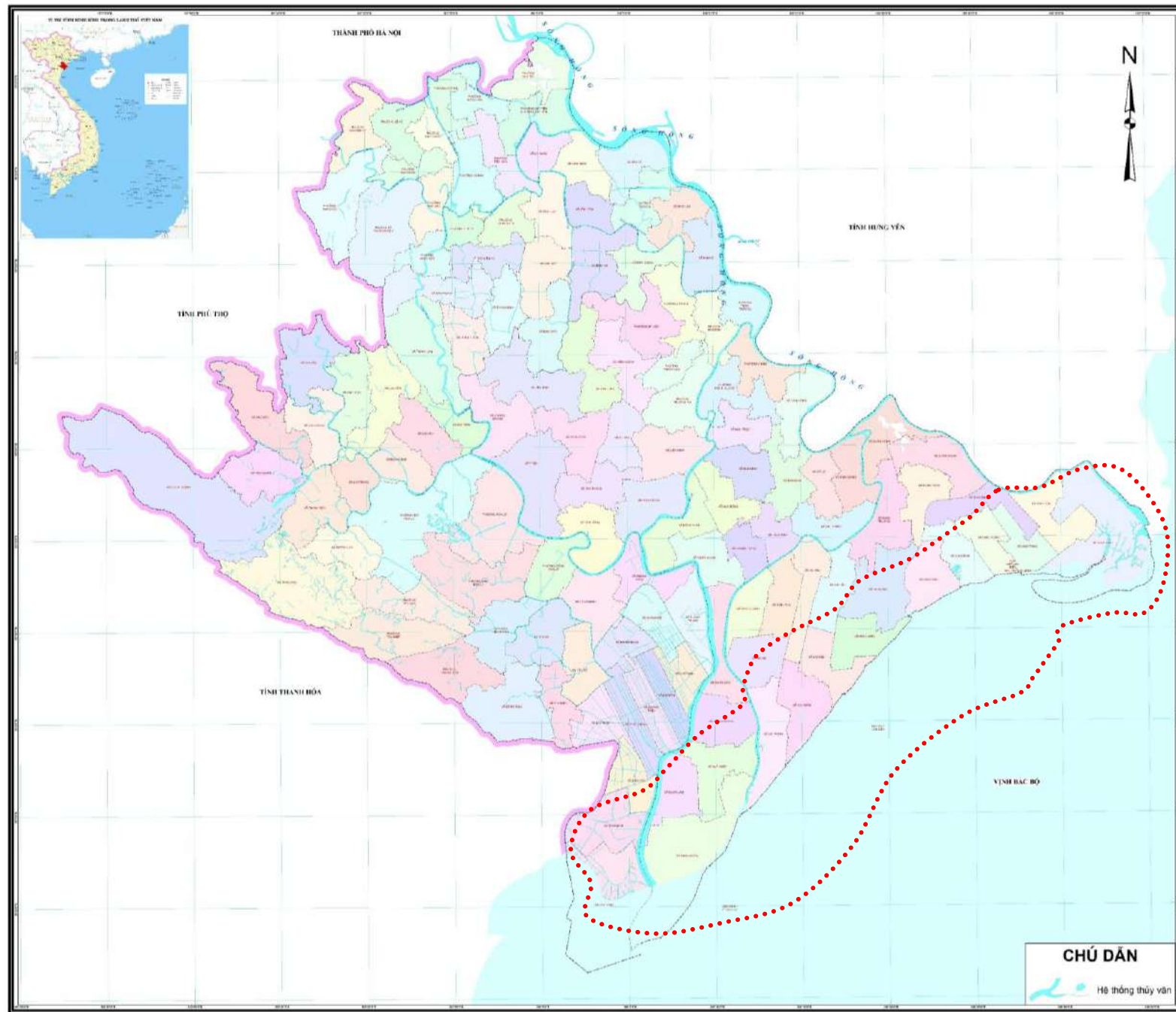
+ Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các KCN hiện hữu ven biển với tổng diện tích 2.881 ha

+ Quy hoạch và phát triển mới 09 Khu công nghiệp ven biển mới với tổng diện tích 2.135,5 ha

- Quy hoạch, thu hút đầu tư phát triển khu đô thị du lịch sinh thái biển quy mô khoảng 28.660 ha (sau lần biển), kết hợp các sản phẩm nghỉ dưỡng đặc thù

- Thu hút đầu tư phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp quy mô lớn (khu Giao Thủy 270 ha, Bạch Long 250 ha...).

- Phát triển nuôi trồng xa bờ

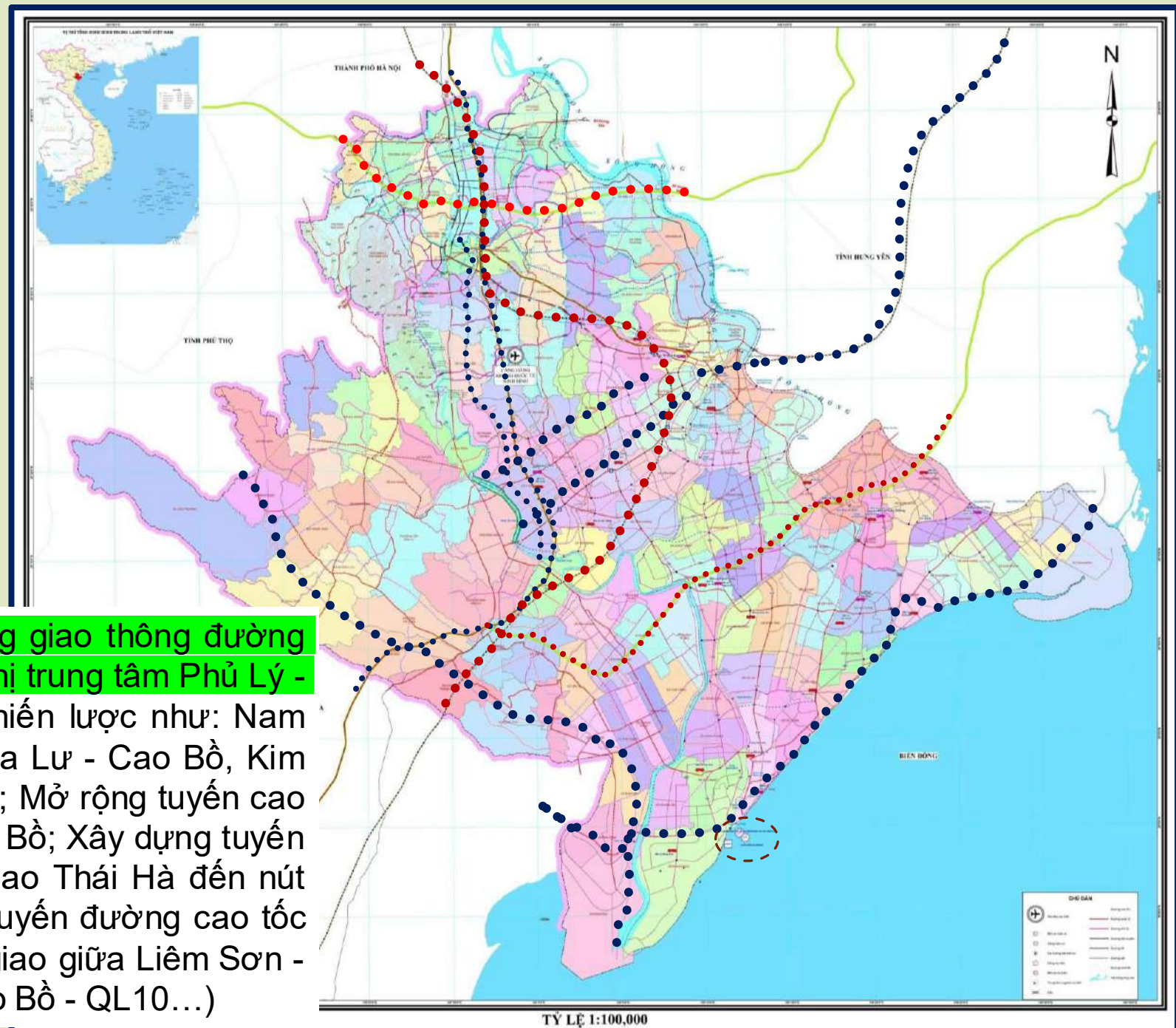




# HẠ TẦNG GIAO THÔNG

**1. Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển:** (Hương tuyến: Tổng chiều dài tuyến đoạn qua Ninh Bình 70,58km, điểm đầu gần đê hữu Sông Hồng, đê biển Giao Thủy (giao với điểm cuối cầu vượt sông Hồng thuộc dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Hưng Yên); điểm cuối giao với đê biển Bình Minh, các đoạn tuyến đi trùng Quốc lộ theo quy mô Quốc lộ, các đoạn còn lại theo quy hoạch của tỉnh.

**2. Triển khai, thi công hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ nhất là các tuyến đường kết nối 03 đô thị trung tâm Phủ Lý - Hoa Lư - Nam Định** (Các tuyến đường chiến lược như: Nam Định - Hoa Lư, Thanh Liêm - Cao Bồ, Hoa Lư - Cao Bồ, Kim Sơn - Nho Quan, Cúc Phương - Tràng An; Mở rộng tuyến cao tốc CT.01 đoạn Cầu Giẽ đến nút giao Cao Bồ; Xây dựng tuyến đường Vành đai 5 (CT.39) đoạn từ nút giao Thái Hà đến nút giao Phú Thứ, tỉnh Ninh Bình; Xây dựng tuyến đường cao tốc Phủ Lý - Nam Định (CT.11); Bổ sung nút giao giữa Liêm Sơn - Cao Bồ và di chuyển, bố trí lại nút giao Cao Bồ - QL10...)

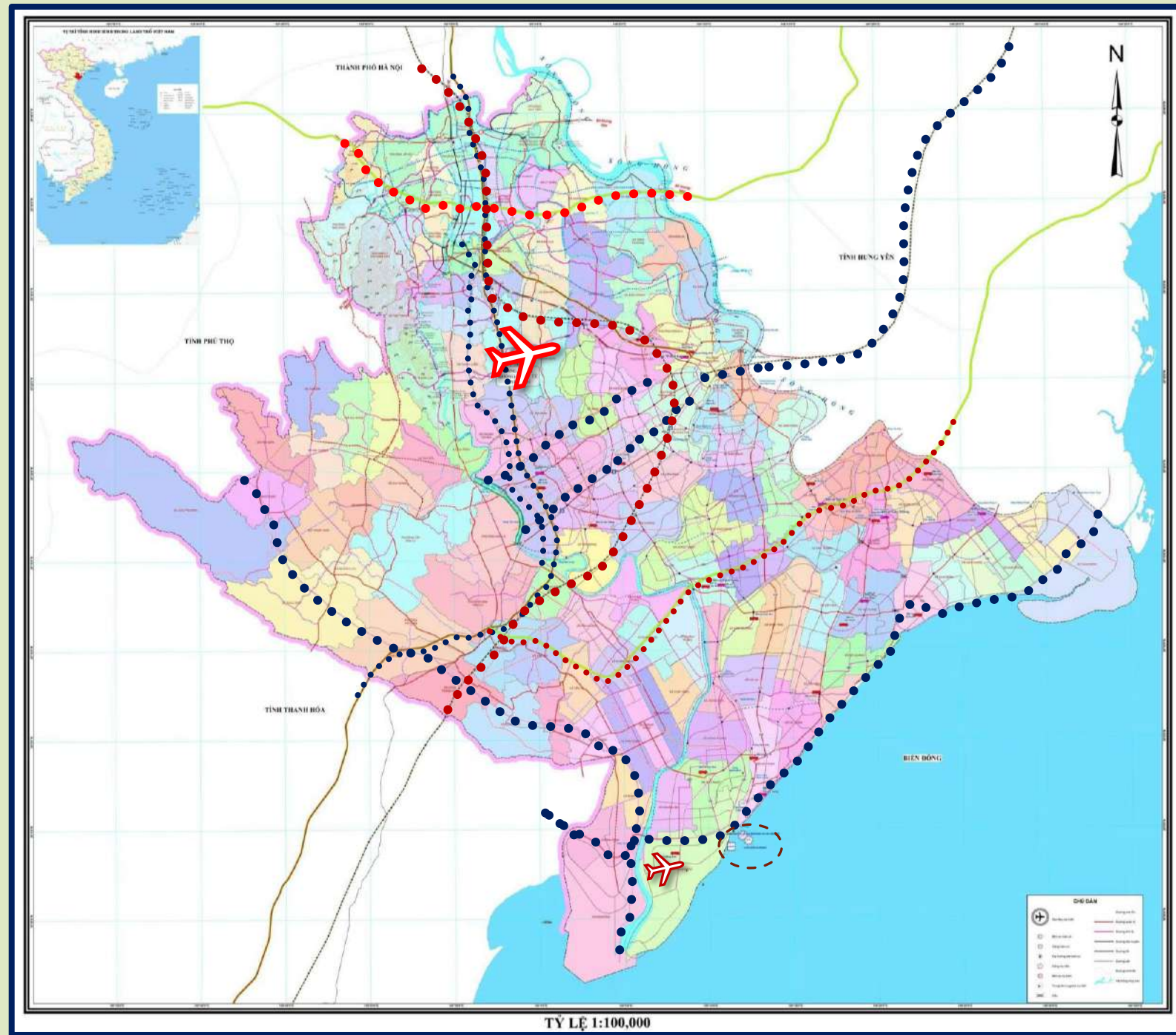


# HẠ TẦNG GIAO THÔNG

3. Triển khai, thi công hoàn thiện tuyến cao tốc Ninh Bình – Thái Bình (đang quy hoạch mới): Là tuyến bổ trợ ven biển, chạy song song cao tốc Bắc – Nam, kết nối các trung tâm ven biển và khu kinh tế biển.

4. Quy hoạch, thu hút đầu tư cảng hàng không ngay sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và sân bay chuyên dùng tại Khu kinh tế Ninh Cơ.

5. Chuẩn bị tốt các điều kiện đảm bảo tiến độ thi công tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh theo kế hoạch



## HẠ TẦNG GIAO THÔNG

6. Tuyến đường sắt kết nối cảng biển và logistics: Nghiên cứu quy hoạch các tuyến đường sắt nhánh kết nối từ Ga Nam Định, Ga Ninh Bình và Ga Phủ Lý đến các cảng tổng hợp, trung tâm logistics gồm: Tuyến Nam Định – Khu kinh tế Ninh Cơ – Cảng Hải Thịnh; tuyến Ga Ninh Bình – Cảng Ninh Bình – Cảng Phúc Lộc – KCN Khánh Phú; tuyến Phủ Lý – Trung tâm logistics Bình Lục – Cụm cảng Yên Lệnh.

7. Tuyến đường sắt ven biển: Nghiên cứu, triển khai tuyến đường sắt ven biển Nam Định – Thái Bình – Hải Phòng – Quảng Ninh, dài khoảng 100 km, khổ đường 1.435 mm, phục vụ vận chuyển hàng hóa công nghiệp, vật liệu xây dựng và hàng xuất nhập khẩu qua các cảng biển phía Bắc.

8. Tuyến đường sắt đô thị - nội vùng: Quy hoạch tuyến đường sắt nhẹ kết nối chuỗi đô thị Phủ Lý – Nam Định – Ninh Bình – Tam Điệp, khổ đường 1.435 mm, tốc độ thiết kế 120–150 km/h, đi cao dọc theo hành lang song song cao tốc Bắc – Nam, đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách nội vùng, kết nối trung tâm hành chính và khu công nghiệp.

9. Quy hoạch, thu hút đầu tư cảng biển nước sâu ngay sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và sân bay chuyên dùng tại Khu kinh tế Ninh Cơ.



# HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Cải tạo nâng cấp đường tỉnh, đường xã và liên xã để đảm bảo kết cấu hạ tầng giao thông

## Các nội dung điều chỉnh, bổ sung:

### ❖ Các tuyến nâng cấp thành đường tỉnh: 18 tuyến

**Đường tỉnh ĐT.483C** (Tam Điệp – Ninh Phúc) (điều chỉnh đoạn tuyến chạy song song với tuyến đường sắt tốc độ cao); Nâng một số đường huyện cũ và các dự án trọng điểm lên đường tỉnh.

**Đường tỉnh ĐT.484C** (ĐT.486B - Chợ Để); **Đường tỉnh ĐT.485C** (Giao với tuyến QL.10 - Chợ Chanh); **Đường tỉnh ĐT.485D** (Giao với ĐT.485 - giao với QL.38B); **Đường tỉnh ĐT.485E** (Giao với Cầu Tào/QL10 - Bến đò Thông); **Đường tỉnh 487E** (Giao với tuyến ĐT.485B - giao với tuyến đường xã Nam Hải (giáp ngã ba Trục Hưng cũ)).

**Đường tỉnh ĐT.490D** (Sông Đào – giao với tuyến đường đê Nam Thắng); **Đường tỉnh ĐT.490B** (đê Ninh Cơ - giao với QL.21); **Đường tỉnh ĐT.487D** (giao QL.37B - giao với tuyến đường ĐT.488C); **Đường tỉnh ĐT.488D** (cầu Ông Trung xã Hải Trung (cũ) - giao với QL21); **Đường tỉnh ĐT.489D** (giao ĐT489 (cầu Nam Điền A) - giao với ĐT488); **Đường tỉnh ĐT.488E** (cầu Diêm/QL.37B - giao với đê biển tại dốc Vạn Xuân); **Đường tỉnh ĐT.491B** (Giao với ĐT.498C- kết nối với tuyến đường qua cụm công nghiệp Kim Bình đi ra cầu Ba Đa trên QL.21B); **Đường tỉnh ĐT.491C** (Giao với đường Đinh Tiên Hoàng - giao với đường Lê Tung).

**Đường tỉnh 492B** (Giao tuyến ĐT.491 tại Km14+300(P) - giao QL.38B tại Km68+990(P) (Chợ Vùa, Xuân Khê)); **Đường tỉnh ĐT.492C** (Nút giao cầu Yên Lệnh- giao với tuyến QL.38 tránh Hòa Mạc ra nút giao Vực Vòng tại đường đầu cầu Yên Lệnh); **Đường tỉnh 494** (Giao với tuyến ĐT.494 tại Km5+00/ĐT.494 - điểm cuối giao với tuyến ĐT.494C tại Km0+00/ĐT.494C); **Đường tỉnh ĐT.493C** .

## HẠ TẦNG GIAO THÔNG

### ❖ Tuyến đường tỉnh mở mới: 22 tuyến

- (1) Tuyến kết nối KN1 từ ĐT.495C đến ĐT.477D và tiếp tục kéo dài đến QL.21C dài 7,8km
- (2) Trục kết nối KN2 từ QL.12B đến nút giao liên thông đường cao tốc Bắc Nam phía Đông với trục Đông Tây và trung tâm logistics Tam Điệp với ga đường sắt Đồng Giao dài 6,8km
- (3) Đoạn tuyến kết nối KN3 từ QL.10 đến ĐT.476 dài 2,8km
- (4) Tuyến kết nối KN4 song song với sông Hoàn Trục dài 5,7km
- (5) Tuyến kết nối KN5 kết nối từ ĐT.495B đến QL.21C dài 1,8km
- (6) Tuyến đường kết nối KN6 kết nối ĐT.479D với tuyến đường Minh Sơn - Thành Minh
- (7) Tuyến đường kết nối KN7 từ QL.12B đến ĐT.483C dài 2,1km



❖ **Tuyến đường tình mở mới: 22 tuyến**

(8) Đường bộ ven biển:

(9) Tuyến Khánh Hòa – Kim Sơn

(10) Khu vực phía Tây Hoa Lư

(12) Tuyến Hoa Lư – Gia Trấn – Thanh Liêm

(13) Tuyến Gia Trấn – Trục dọc 07

(14) Tuyến TD08

(15) Quy hoạch tuyến Vành đai 4 Nam Định

(16) Quy hoạch và thực hiện tuyến kết nối Hoa Lư – Trục dọc 07 – Nam Định



❖ **Tuyến đường tình mở mới: 22 tuyến**

(17) Tuyến kết nối cao tốc CT01 – Ninh Cơ

(18) Quy hoạch tuyến kết nối QL10 – đến đường Nam Định – Lạc Quần – đường trục sông Hồng:

(19) Tuyến trục cảnh quan sông Hồng

(20) Một số tuyến kết nối

(21) Tuyến kết nối Quốc lộ 10

(22) Tuyến kết nối khu cảng biển Hải Thịnh – Cửa Đáy

22). Tuyến đường gom hai bên đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08) đoạn qua tỉnh Nam Định (cũ)

- **Tuyến đường sắt tốc độ cao:** Giai đoạn 2021 – 2030: Hoàn thành chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và khởi công đoạn Hà Nội – Vinh, đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình dài khoảng 80 km, khổ đường 1.435 mm, đường đôi, điện khí hóa, vận tốc thiết kế 350 km/h. Dự kiến bố trí ga hành khách tại Liêm Tuyền, ga trung tâm tại Khánh Thượng và trạm bảo dưỡng tại Bình Lục.

Tầm nhìn đến năm 2050: Hoàn thiện toàn tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, đưa vào khai thác vận tải hành khách; tuyến đường sắt hiện hữu được chuyển đổi chủ yếu phục vụ vận tải hàng hóa.

- **Tuyến đường sắt kết nối cảng biển và logistics:** Nghiên cứu quy hoạch các tuyến đường sắt nhánh kết nối từ Ga Nam Định, Ga Ninh Bình và Ga Phủ Lý đến các cảng tổng hợp, trung tâm logistics gồm: Tuyến Nam Định – Khu kinh tế Ninh Cơ – Cảng Hải Thịnh; tuyến Ga Ninh Bình – Cảng Ninh Bình – Cảng Phúc Lộc – KCN Khánh Phú; tuyến Phủ Lý – Trung tâm logistics Bình Lục – Cụm cảng Yên Lệnh.

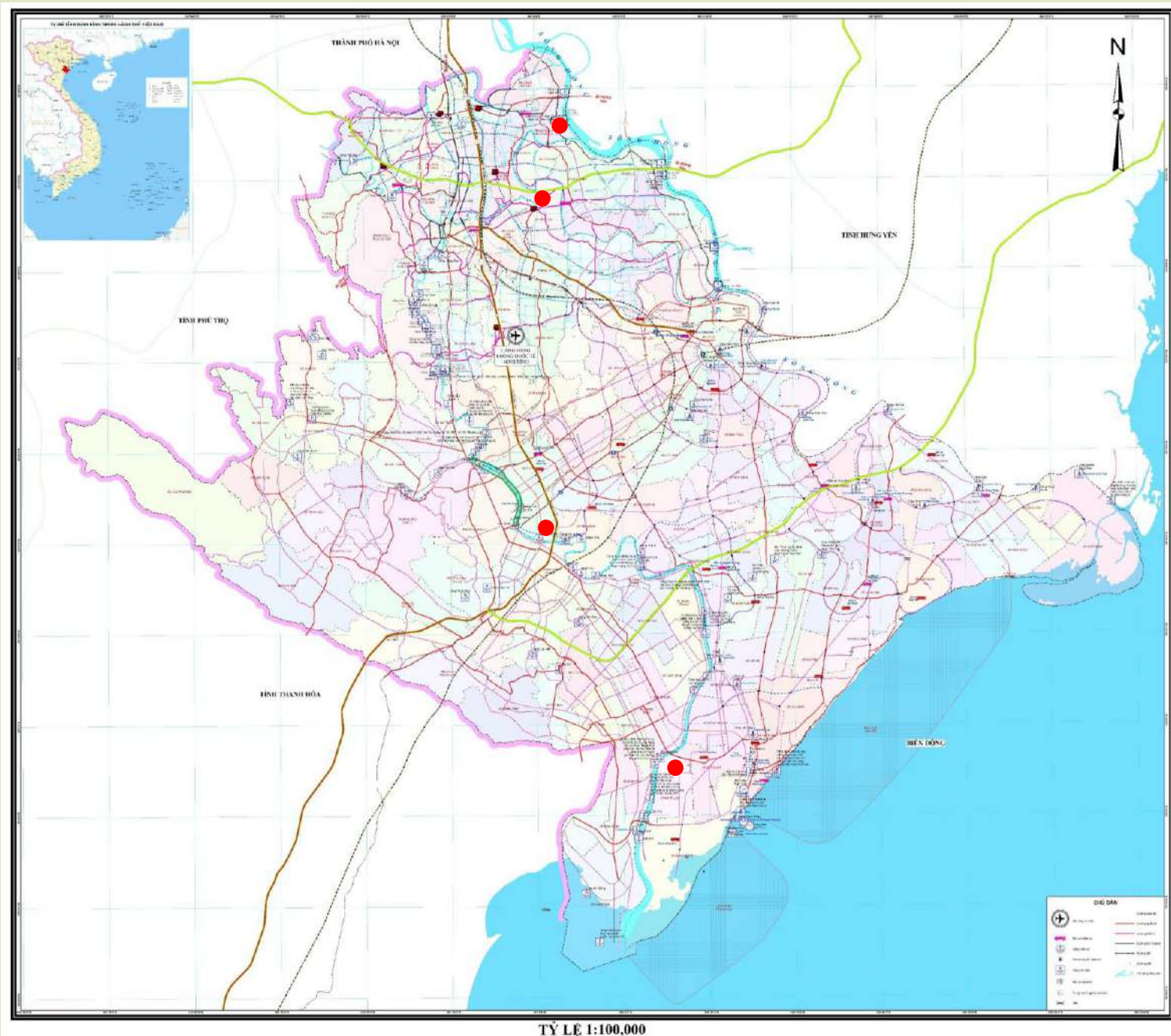
- **Tuyến đường sắt ven biển:** Nghiên cứu, triển khai tuyến đường sắt ven biển Nam Định – Thái Bình – Hải Phòng – Quảng Ninh, dài khoảng 100 km, khổ đường 1.435 mm, phục vụ vận chuyển hàng hóa công nghiệp, vật liệu xây dựng và hàng xuất nhập khẩu qua các cảng biển phía Bắc.

- **Tuyến đường sắt đô thị - nội vùng:** Quy hoạch tuyến đường sắt nhẹ kết nối chuỗi đô thị Phủ Lý – Nam Định – Ninh Bình – Tam Điệp, khổ đường 1.435 mm, tốc độ thiết kế 120–150 km/h, đi cao dọc theo hành lang song song cao tốc Bắc – Nam, đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách nội vùng, kết nối trung tâm hành chính và khu công nghiệp.

\* **Quy hoạch hệ thống đường sắt hiện đại tạo động lực phát triển (các loại hình Metro/Subway; Elevated Rail/SkyTrain/Monorail,..):**

- **Kết nối đường sắt:** Các tuyến kết nối metro Hà Nội, kết nối Hưng Yên qua đường sắt ven biển.

- **Đường sắt du lịch:**



## HỆ THỐNG TRUNG TÂM LOGISTICS

- **Trung tâm logistics cấp vùng Bình Lục:** Quy mô  $\geq 30$  ha, gần với cụm cảng Yên Lệnh và cao tốc Bắc Nam; trung tâm điều phối hàng hóa khu vực Nam đồng bằng sông Hồng.
- **Trung tâm logistics Phúc Lộc – Khánh Phú – Ninh Bình:** Quy mô 10–20 ha, phục vụ khu công nghiệp trọng điểm và kết nối với cảng cạn Phúc Lộc.
- **Trung tâm logistics Tam Điệp – Nho Quan – Yên Mô:** Quy mô 10–20 ha, phục vụ khu vực Tây Nam tỉnh, khu công nghiệp Tam Điệp II và vùng Bắc Thanh Hóa.
- **Trung tâm logistics khu kinh tế Ninh Cơ – Kim Sơn:** Quy mô 5–10 ha, phục vụ xuất nhập khẩu qua cảng biển và vận tải liên vùng ven biển.

# HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN

Loại dự án	Giai đoạn thực hiện 2026-2030		Giai đoạn thực hiện 2031-2050	
	Xây dựng mới	Cải tạo	Xây dựng mới	Cải tạo
<b>TBA 500 KV</b>	1 trạm	0	3 trạm	1 trạm
<b>Đường dây 500 KV</b>	3 tuyến	1 tuyến	4 tuyến	1 tuyến
<b>TBA 220 KV</b>	11 trạm	1 trạm	2 trạm	7 trạm
<b>Đường dây 220kV</b>	17	5	4	0
<b>TBA 110kV</b>	104 trạm	39 trạm	65 trạm	67 trạm
<b>Đường dây 110kV</b>	146 tuyến	33 tuyến	69 tuyến	19 tuyến

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI – PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

- (1) Xây dựng **trạm bơm Tắc Giang** với mục tiêu: Tiêu úng nội đồng từ sông Châu Giang ra sông Hồng cho diện tích khoảng 18.686 ha
- (2) Triển khai thực hiện dự án: **xóa bỏ vùng phân lũ, chập lũ sông Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình**: hạng mục “Nạo vét sông Rịa” để khơi thông, chống ngập úng, nâng cao khả năng thoát lũ, đảm bảo an toàn cho các xã: Quỳnh Lưu, Thanh Sơn, Phú Long, Gia Phong và phường Tây Hoa Lư và xả lũ các hồ nước Đồng Chương, Đá Lải.

Hạng mục công trình dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Nâng cấp tuyến đê Tả Hoàng Long	km	23,988
2	Nâng cấp tuyến đê Trường Yên	km	0,5
3	Nâng cấp tuyến đê Hữu Hoàng Long	km	19,4
4	Nâng cấp tuyến đê Đức Long – Gia Tường – Lạc Vân	km	11,8
5	Nâng cấp tuyến đê Năm Căn	km	16
6	Nâng cấp các tuyến đê bồi	km	17
7	Mở rộng cống Mai Phương		
8	Nâng cấp tràn Kẽm Chấm		
9	Nâng cấp Âu Lê		
10	Mở rộng mặt cắt thoát lũ cho sông Hoàng Long đoạn từ Xích Thổ đến Bến Đế	km	11
11	Mở rộng mặt cắt thoát lũ cho sông Hoàng Long đoạn từ sau Kênh Gà đến cầu Gián	km	14
12	Mở rộng thoát lũ sông Hoàng Long tại cầu Gián Khẩu		
13	Nâng cấp, hoàn chỉnh các tuyến đê và nâng cao khả năng thoát lũ cho sông Rịa	km	11,6
14	Nâng cấp, kéo dài, làm mới các cống qua đê		

# Nhu cầu vốn đầu tư

		2021-2025	Phương án chọn (GRDP tăng BQ 11%)	Phương án cao (GRDP tăng BQ 12%)
			2026-2030	2026-2030
<b>Nhu cầu vốn đầu tư</b>				
<b>Tổng vốn đầu tư cả giai đoạn</b>	<b>1000 Tỷ đồng</b>	<b>666</b>	<b>1390</b>	<b>1450</b>
Tốc độ tăng vốn trung bình/năm (theo giá so sánh)	%	8.95	11.19	12.85
Tổng vốn đầu tư cả giai đoạn	Tỷ USD	27.41	50.33	53.43
Tổng đầu tư khu vực nhà nước	Tỷ USD	6.55	11.99	12.98
Tổng đầu tư khu vực tư nhân	Tỷ USD	16.55	29.59	30.89
Tổng đầu tư khu vực FDI	Tỷ USD	4.30	8.75	9.56
<b>Cơ cấu vốn đầu tư</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Tổng đầu tư khu vực nhà nước	%	23.90	23.83	24.30
Tổng đầu tư khu vực tư nhân	%	60.40	58.80	57.82
Tổng đầu tư khu vực FDI	%	15.70	17.38	17.89
ICOR		7.47	5.94	5.56

	2026-2030
Tổng nhu cầu vốn đầu tư cả giai đoạn (1000 tỷ đồng)	1390-1450
Đầu tư công từ vốn ngân sách địa phương (1000 tỷ đồng)	214
Tỷ trọng (%)	14.76-15.4
Vốn khác (1000 tỷ đồng)	1176-1236
Tỷ trọng (%)	84.6-85.24

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**